

MỞ ĐẦU

1. Lý do chọn đề tài

Trong những thập niên cuối thế kỷ 20, có một khái niệm, tuy chưa có được một cách hiểu thống nhất, nhưng lại được sử dụng và bàn đến nhiều nhất, đó là khái niệm “chủ nghĩa hậu hiện đại” (postmodernism). Chủ nghĩa hậu hiện đại gần như đã trở thành tinh thần của thời đại mới, vượt qua thời hiện đại và được gọi là thời “hậu hiện đại” hay “kỷ nguyên hậu hiện đại”. Chủ nghĩa hậu hiện đại vừa được xem là một chủ thuyết triết học, cũng vừa là một phong trào xã hội được áp dụng vào hầu khắp các lĩnh vực: kinh tế, chính trị, văn hoá, nghệ thuật, giáo dục, tôn giáo... Trong văn học, con người đã xây dựng nên cả một hệ thống lý thuyết hậu hiện đại, được dùng để áp dụng vào việc nghiên cứu tác phẩm, làm tiêu chí phân loại và định dạng, vừa để cụ thể hoá quá trình nhận thức luận về tinh thần văn học hậu hiện đại. Như vậy, hậu hiện đại là một cách gọi để chỉ về một sự vận động, mà sự vận động đó đang tạo nên một hệ hình tư duy mới, có nhiệm vụ thay thế cho hệ hình tư duy hiện đại đã không còn phù hợp, kể cả trong kinh tế, chính trị và trong văn hoá tinh thần.

Ở Việt Nam, lý thuyết văn học hậu hiện đại ngày càng được quan tâm tìm hiểu, nghiên cứu và ứng dụng vào đời sống văn học, từ hoạt động của người nghiên cứu – phê bình đến sáng tạo của người nghệ sĩ. Thực tiễn những năm qua mà khoa văn học cũng như lĩnh vực sáng tác đã đạt được, đã chứng minh tính khoa học, tính khách quan và tính chân lý của chủ nghĩa hậu hiện đại.

Việc vận dụng lý thuyết văn học hậu hiện đại vào nghiên cứu những sáng tác của các nhà tiểu thuyết Việt Nam đã có những chuyển động và những thay đổi thực sự, cả nội dung và hình thức. Tinh thần hậu hiện đại đã soi chiếu vào tư duy tiểu thuyết, có thể nói đã tạo nên một sự biến đổi lớn lao ở thể loại này. Qua thời gian, những sáng tác của các nhà tiểu thuyết Phạm Thị Hoài, Bảo Ninh, Tạ Duy Anh, Khương Việt Hà, Nguyễn Việt Hà, Hồ Anh Thái, Nguyễn Bình Phương, Nguyễn Đình Tú, Đặng Thân, Châu Diên, Thuận, Đoàn Minh Phương, Phong Điệp, Nguyễn Ngọc Tư... đã được xã hội thừa nhận. Có một sự thật hiển nhiên được thừa nhận trong giới văn học là, không thể viết như trước được nữa, nếu như muốn có người đọc. Về cơ bản, những thành tựu mà tiểu thuyết đạt được là nhờ sự tiếp thu, vận dụng một cách sáng tạo quan niệm nhận thức, kinh nghiệm viết hậu hiện đại của các nhà văn Việt Nam. Đây chính là lý do chính để chúng tôi lựa chọn đề tài luận án *Ảnh hưởng của chủ nghĩa hậu hiện đại đối với tiểu thuyết Việt Nam từ 1986 đến 2010*, nhằm góp phần khẳng định những giá trị thực sự của bộ phận tiểu thuyết theo khuynh hướng hậu hiện đại. Trên cơ sở nghiên cứu có tham khảo tư liệu của những người cùng thời, chúng tôi muốn tạo dựng một cái nhìn toàn cảnh về sự hình thành và từng phát triển của tiểu thuyết theo dạng này.

2. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

2.1. Đối tượng nghiên cứu: Luận án tập trung nghiên cứu tiểu thuyết Việt Nam từ 1986 đến 2010. Tuy nhiên, do yêu cầu của đề tài nên chỉ tập trung ở những tiểu thuyết mang sắc thái, dấu ấn hậu hiện đại.

2.2. Phạm vi nghiên cứu: Luận án giới hạn phạm vi nghiên cứu về những ảnh hưởng của chủ nghĩa hậu hiện đại đối với tiểu thuyết Việt Nam từ 1986 đến 2010.

3. Phương pháp nghiên cứu Để thực hiện luận án, chúng tôi sử dụng phối hợp các phương pháp nghiên cứu chính:

- Phương pháp lịch sử - loại hình: dùng để khảo sát sự hình thành và vận động của lý thuyết hậu hiện đại, đặc trưng và các quan niệm riêng của các nhà lý luận trong các lĩnh vực triết học, văn hóa, văn học, nghệ thuật.

- Phương pháp cấu trúc - hệ thống: dùng để tìm hiểu, nghiên cứu một cách hệ thống các khuynh hướng triết học như Hiện tượng luận – Tường giải học; Cấu trúc luận – Giải cấu trúc luận. Các tiểu thuyết có dấu ấn hậu hiện đại Việt Nam cũng được nghiên cứu qua phương pháp này.

- Phương pháp văn hóa – lịch sử: dùng để khảo sát quá trình hình thành chủ nghĩa hậu hiện đại (điều kiện triết học, kinh tế – xã hội, văn hóa – nghệ thuật) và nghiên cứu đặc thù lịch sử, văn hóa, văn học dân tộc trong tiểu thuyết theo xu hướng hậu hiện đại Việt Nam.

- Phương pháp so sánh – đối chiếu: dùng để nghiên cứu những tương đồng và riêng biệt trong tư duy nghệ thuật của các nhà tiểu thuyết theo xu hướng hậu hiện đại Việt Nam.

3. Đóng góp khoa học của luận án

Luận án trình bày những vấn đề chính của tiểu thuyết Việt Nam từ 1986 đến 2010, sự phát triển của khuynh hướng tiểu thuyết gắn với chủ nghĩa hậu hiện đại, góp phần cung cấp một số kiến thức cơ bản để có một cái nhìn tổng thể về tiểu thuyết Việt Nam những năm này.

Luận án có thể được xem là một trong những công trình đầu tiên tương đối có hệ thống nghiên cứu về ảnh hưởng của chủ nghĩa hậu hiện đại đối với tiểu thuyết Việt Nam đương đại, những tích cực và những hạn chế của chủ thuyết này đem lại.

Luận án hoàn thành sẽ là một tài liệu tham khảo hữu ích cho việc tìm hiểu, học tập, nghiên cứu về chủ nghĩa hậu hiện đại và văn học hậu hiện đại.

5. Bố cục luận án

Ngoài phần mở đầu, phần kết luận, phần tài liệu tham khảo và phụ lục, phần nội dung chính của luận án được triển khai trong 4 chương:

Chương 1. Tổng quan tình hình nghiên cứu

Chương 2. Tiếp nhận chủ nghĩa hậu hiện đại trong văn học Việt Nam từ 1986 đến 2010

Chương 3. Tư duy nghệ thuật hậu hiện đại trong tiểu thuyết Việt Nam từ 1986 đến 2010 – nhìn từ quan niệm nghệ thuật, tâm thức sáng tạo và thế giới nhân vật

Chương 4. Tư duy nghệ thuật hậu hiện đại trong tiểu thuyết Việt Nam từ 1986 đến 2010 – nhìn từ phương thức biểu hiện

NỘI DUNG

Chương 1

TỔNG QUAN TÌNH HÌNH NGHIÊN CỨU

1.1. Các công trình dịch, biên soạn từ tài liệu nước ngoài

Trong những năm từ 1975 đến gần cuối thế kỷ XX, hoạt động dịch, giới thiệu, xuất bản các công trình nghiên cứu khoa học xã hội – nhân văn của phương Tây ở Việt Nam là hết sức hạn chế. Cuộc tranh luận về truyện ngắn Nguyễn Huy Thiệp là một dẫn chứng buồn về thực tế này. Tính chất mâu thuẫn trong tranh luận đã bộc lộ sự lạc hậu, ấu trĩ của tư duy lý luận văn học lúc bấy giờ.

Ở cuộc tranh luận về Nguyễn Huy Thiệp có một bài viết rất đáng chú ý: *Tại sao tôi dịch truyện ngắn Nguyễn Huy Thiệp ra tiếng Anh?* của Greg Lockhart, in trên Tạp chí Văn học, số 4 (tháng 7 – 8), 1989. Bài viết này rất kịp thời, tính gợi ý và tính ý hướng của nó rất cao, nhưng lại không được quan tâm đúng mức, đặc biệt là về mặt thuật ngữ. Lockhart đã đặt vấn đề: “Cái mới của Nguyễn Huy Thiệp là ở chỗ nào?” và đã lý giải: “...Và ở Việt Nam ta có truyện ngắn của Nguyễn Huy Thiệp. Đây là những phương pháp biểu hiện cuộc sống trên thế

giới cuối thế kỷ này. Tức là, đây là hiện tượng văn học chúng ta gọi “hậu hiện đại chủ nghĩa” (postmodernism)” [tr.113,114].

Sau bài viết của Lockhart, phải đến năm 1991, mới có một bản dịch về văn học hậu hiện đại được công bố: tiểu luận *Vài suy nghĩ về cái gọi là tiểu thuyết hậu hiện đại* của A.Blach, T/c Văn học, số 5. Tiểu luận này bước đầu đã đem đến cho người đọc cách hiểu về một số đặc trưng cơ bản của văn học hậu hiện đại và tiểu thuyết hậu hiện đại, như biểu hiện thế giới trong “tính phức tạp và phiến diện”, “xóa nhòa ranh giới giữa không gian của nghệ thuật và không gian của kỹ thuật, giữa ý thức và vô thức, giữa hiện thực và ma quái”... Từ sau bài viết của A.Blach, lại kéo dài một khoảng trống, phải 6 năm sau, năm 1997, trên T/c Nghiên cứu Văn học, số 5, mới có bài tiểu luận *Về chủ nghĩa hậu hiện đại* của J.Verhaar. Theo Verhaar, quan niệm về tồn tại của chủ nghĩa hậu hiện đại gắn với “sự mĩa mai” và “xu hướng tự do” [tr.361]. Năm 1998, trên T/c Văn học nước ngoài, số 6, có bài viết *Những giới hạn của phạm trù tác giả trong văn học hậu hiện đại* của V.Marcok, chỉ ra những đặc thù về phạm trù tác giả ở chủ nghĩa hậu hiện đại.

Chủ nghĩa hậu hiện đại chỉ thực sự được quan tâm, dịch, giới thiệu để phục vụ cho việc tìm hiểu, nghiên cứu ở Việt Nam là từ những năm 2000 trở đi. Vào năm 2000, trên T/c Thơ, số Mùa Xuân (xuất bản ở Mỹ bằng tiếng Việt) đã trích in công trình *Lý thuyết văn chương hậu hiện đại* của Niall Lucy. Đây là công trình có giá trị học thuật cao, đã lý giải sâu sắc một số vấn đề cơ bản của văn học hậu hiện đại: định nghĩa văn học hậu hiện đại, sự phân biệt nghệ thuật với khoa học, nghệ thuật với hiện thực, văn học và lý thuyết trò chơi...

Năm 2003, công trình *Các khái niệm và thuật ngữ của các trường phái nghiên cứu văn học ở Tây Âu và Hoa Kỳ thế kỷ 20* do I.P.Ilin và E.A.Tzurganova chủ biên, Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội phát hành. Phần “Chủ nghĩa hậu hiện đại”, người viết (I.P.Ilin) đã nêu và diễn giải khá tường tận các khái niệm triết – mỹ học cơ bản và một số thủ pháp nghệ thuật chính của văn học hậu hiện đại. Cũng trong năm 2003, Nxb Hội nhà văn đã phát hành bộ sách về văn học hậu hiện đại thế giới, gồm 2 tập. Tập 1 *Văn học hậu hiện đại thế giới – Những vấn đề lý thuyết* (Lại Nguyên Ân, Đoàn Tử Huyền biên soạn), tập 2 *Truyện ngắn hậu hiện đại thế giới* (Lê Huy Bắc tuyển chọn, giới thiệu). Tính đến thời điểm bây giờ, bộ sách này là công trình công phu và có hệ thống nhất về văn học hậu hiện đại ở Việt Nam, cả về phương diện lý thuyết và phương diện sáng tạo nghệ thuật.

Năm 2004, Nxb Giáo dục phát hành công trình *Phê bình – lý luận văn học Anh Mỹ* (3 tập) do Lê Huy Bắc biên soạn. Trong đó có đề cập tới một số tác giả hậu hiện đại. Cũng trong năm này, tập tiểu luận nổi tiếng *Đi tìm sự thật biết cười* của U.Eco, Nxb Hội Nhà văn phát hành, được giới thiệu với độc giả Việt, trong đó có một số bài về văn học hậu hiện đại *Lời tái bút cho Tên của đóa hồng, Tính đổi mới và tính lặp lại: Giữa mỹ học hiện đại và hậu hiện đại, Tản mạn: Tiền phong, hiện đại, hậu hiện đại*. U.Eco đã tạo nên một cái nhìn nghiêng đối với đời sống văn học thế giới đương đại. Ngoài ra, các cuốn sách có liên quan đến hậu hiện đại được giới thiệu với giới nghiên cứu Việt Nam trong năm này là *Sự đồng danh của phương pháp* do Đỗ Lai Thúy biên soạn, với các mục *Chủ nghĩa hậu cấu trúc* của T.Eagleton và *Lịch sử văn học như là sự khiêu khích đối với khoa học văn học* của H.R.Jauss (Trương Đăng Dung dịch).

Năm 2005, Nxb Đại học Sư phạm Hà Nội giới thiệu với độc giả chuyên luận *Những tiểu thuyết của Robbe – Grillet* của Bruce Morrisette. Nghệ thuật tiểu thuyết của Robbe – Grillet là những cách tân mới mẻ, độc đáo, với nhiều đặc trưng của kỹ thuật viết hậu hiện đại.

Năm 2006, Đỗ Lai Thúy biên soạn và giới thiệu cuốn *Theo vết chân những người khổng lồ - Tân Guylivơ phiêu lưu ký về các lý thuyết văn hóa*, Nxb Văn hóa Thông tin. Cuốn sách có 2

bài trực tiếp bàn về hậu hiện đại: *Phân tích văn hóa theo thuyết hậu hiện đại* của S.Seidman và *Phê phán hậu hiện đại và hậu cấu trúc* của B.Fuller. Cũng trong năm này, Nxb Đại học Sư phạm giới thiệu cuốn *Bản mệnh của lý thuyết văn chương và cảm nghĩ thông thường* của A.Compagnon. Một phần trong cuốn sách, tác giả bàn về lý thuyết hậu hiện đại, qua những đoạn trích hay những phân tích các quan điểm của các nhà lý thuyết hậu hiện đại.

Năm 2007, Trong công trình *Lý luận – phê bình văn học thế giới thế kỷ XX*, 2 tập, Lộc Phương Thủy chủ biên và giới thiệu, lý thuyết văn học hậu hiện đại và trường phái hậu cấu trúc được đưa vào tập 2. Cũng trong năm này, trên T/c Nghiên cứu Văn học có ba bài đáng lưu ý về văn học hậu hiện đại: *Những sự kiện nóng trong phê bình văn học Trung Quốc 2006* của Cát Hồng Bình – Tổng Hồng Lĩnh, số 7; *Đi tìm bản thể và nhận thức về ý nghĩa của văn học mạng* của Âu Dương Hữu Quyền, số 10; *Liên văn bản – sự xuất hiện của khái niệm. Về lịch sử và lý thuyết của vấn đề* của L.P.Rjanskaya, số 11.

Năm 2008, cuốn *Hoàn cảnh hậu hiện đại* của J. Lyotard, Nxb Tri thức phát hành (Ngân Xuyên dịch, Bùi Văn Nam Sơn hiệu đính) được giới thiệu với độc giả Việt Nam. Công trình nghiên cứu của Lyotard có ý nghĩa lập thuyết của chủ nghĩa hậu hiện đại, tạo điều kiện để giới nghiên cứu Việt Nam có thể hiểu trực tiếp những luận điểm của ông về các chủ thuyết lớn (các đại tự sự), “thân phận tri thức”, sự áp chế của khoa học đối với tri thức, tình cảnh nghệ thuật... trong *điều kiện hậu hiện đại*. Đối với văn học nghệ thuật, lý thuyết của Lyotard khai mở những vấn đề nhận thức tư tưởng và mỹ học về một thời đại mới dựa vào sự phản tư các tiêu chí mà triết học hiện đại đã xây dựng. Trên cơ sở đó, lý thuyết văn học xác lập một loạt các khái niệm triết – mỹ cơ bản, được xem như những đặc tính chỉ có trong văn học hậu hiện đại. Trong năm này, còn có bài viết *Tiểu thuyết chính trị hậu hiện đại* của Stephen Baker, in trên T/c Nghiên cứu Văn học, số 5.

Từ những năm 2009 đến 2013, có nhiều công trình nghiên cứu về văn hóa, văn học nghệ thuật hậu hiện đại được giới thiệu ở Việt Nam, tiếp tục bổ sung và mở rộng những tri thức đa dạng của nó cho độc giả: *2011 – Trào lưu trong thập kỷ tới* của R.Laermer, Nxb Văn hóa Sài Gòn. Cuốn *Thi pháp chủ nghĩa hậu hiện đại* của L.Petrescu, Nxb Đại học Sư phạm (Lê Nguyên Cảnh dịch), là một tài liệu tham khảo giá trị, bổ sung thêm những kiến thức lý thuyết về văn học hậu hiện đại cho những người nghiên cứu văn học Việt Nam.

Những công trình nghiên cứu nước ngoài về chủ nghĩa hậu hiện đại đã cung cấp một lượng thông tin hết sức cần thiết, để trên cơ sở đó, tạo nên sự nhận biết về bức tranh toàn cảnh của văn học thế giới đương đại. Đối diện với thế giới văn chương bên ngoài, sẽ tạo nên sự so sánh và nhận thức được sự lạc hậu, trì trệ về tư duy cũng như sự ảm đạm về nghệ thuật của nước nhà, đây là động thái đầu tiên để thúc đẩy sự thay đổi. Những công trình này đã trang bị những tri thức nền tảng, để trên cơ sở đó, giới nghiên cứu Việt Nam xây dựng nên mảng lý thuyết văn học hậu hiện đại và ứng dụng nó trong nghiên cứu, phê bình văn học. Đối với giới sáng tác, việc tìm hiểu, nghiên cứu những tri thức hậu hiện đại nói chung, là một yêu cầu bức thiết để có được sự hiểu biết vừa tổng thể vừa chuyên sâu, tiếp biến để tạo ra những giá trị mới.

1.2. Các công trình nghiên cứu, phê bình ở trong nước

Tìm hiểu lịch sử hiện diện của từ “hậu hiện đại” ở Việt Nam, dĩ nhiên là phải tính đến sự xuất hiện của từ này cùng những nội dung của nó. Và chắc chắn, từ “hậu hiện đại” chỉ có thể xuất hiện trong văn bản vào những năm cuối thế kỷ XX. Tuy nhiên, chúng tôi muốn mở rộng sự tham khảo của mình đến những năm trước 1975, ở Miền Nam Việt Nam, trong một điều kiện xã hội gần gũi hơn với Phương Tây, đã có nhiều nhà nghiên cứu bước đầu tiếp cận với hậu hiện đại, mặc dù trong các công trình của họ chưa gọi đầy đủ khái niệm này. Vào năm

1969, trên T/c Tư tưởng, số 6 của Viện đại học Vạn Hạnh, đã có bài nghiên cứu của Phạm Công Thiện *Sự thất bại của cơ cấu luận – Phê bình Levi – Strauss và Jacques Derrida*, đã phân tích về sự hạn chế của “cơ cấu luận” (hiện nay dịch là cấu trúc luận) và bài của Tuệ Sĩ *Cơ cấu ngôn ngữ của Michel Foucault*.

Ở Việt Nam, khái niệm “hậu hiện đại” lần đầu tiên được đề cập đến trong nghiên cứu văn học là bài viết *Từ văn bản đến tác phẩm văn học và giá trị thẩm mỹ* của Trương Đăng Dung, T/c Văn học, số 11, 1995. Trong bài viết, tác giả đã đưa ra những nhận thức mới trong thực tiễn lý luận Việt Nam và đề cập tới thuật ngữ hậu hiện đại trong quá trình diễn giải. Tiếp theo, khái niệm “hậu hiện đại” được đề cập đến là ở ấn phẩm *Văn hóa nghệ thuật thế kỷ XX những hiện tượng – trào lưu – nhân vật tiêu biểu trong 100 năm qua*, Nguyễn Nam và Lê Huy Khánh biên soạn (Nxb Văn học, 1999). Phải đến năm 2000 trở đi, từ “hậu hiện đại” mới bắt đầu được dùng phổ biến, được sự quan tâm hàng đầu của nhiều nhà nghiên cứu và diễn ra nhiều cuộc tranh luận với những ý kiến, quan niệm, xu hướng khác nhau. Trong năm này, Phương Lựu công bố bài viết *Tìm hiểu chủ nghĩa hậu hiện đại*, T/c Nhà văn, số 8, được xem như bước khởi động cho hoạt động nghiên cứu, phê bình văn hóa, văn học hậu hiện đại ở Việt Nam.

Năm 2001, Phùng Văn Tửu công bố chuyên luận *Tiểu thuyết Pháp bên thềm thế kỷ XXI* (Nxb. Thành phố Hồ Chí Minh), đề cập đến thành tựu của một số tác giả hậu hiện đại nổi tiếng của văn học Pháp như Robbe – Grillet, Le Clezio... Vào tháng 9 – 2001, trên T/c Văn học, Nguyễn Văn Dân in bài tiểu luận *Chủ nghĩa hậu hiện đại hay là hiện tượng chông chéo khái niệm*. Đây là bài viết trích dẫn nhiều tư liệu, tranh luận nhiều về chủ nghĩa hậu hiện đại, tuy nhiên, người viết lại cho rằng hậu hiện đại chỉ là một khái niệm “rỗng”, không có thực! Năm 2003, Nxb Hội Nhà văn và Trung tâm văn hóa ngôn ngữ Đông Tây phát hành bộ *Văn học hậu hiện đại thế giới*. Tập 1 *Văn học hậu hiện đại thế giới – những vấn đề lý thuyết* có 7 bài viết của các tác giả Việt Nam, 3 bài của các nhà nghiên cứu trong nước và 4 bài của các nhà nghiên cứu người Việt định cư ở nước ngoài.

Năm 2004, công trình *Tác phẩm văn học như là quá trình* của Trương Đăng Dung được Nxb Khoa học Xã hội phát hành, gồm 3 phần, được tác giả đặt trong một *quá trình* để nghiên cứu và diễn giải: văn học từ hiện đại đến hậu hiện đại. Công trình *Tự sự học – một số vấn đề lý thuyết*, phần 1, Trần Đình Sử chủ biên, Nxb Đại học Sư phạm, có các bài *Các kiểu truyện ngắn hậu hiện đại* của Lê Huy Bắc; *Đổi mới ngôn ngữ và giọng điệu – một thành công đáng chú ý của văn xuôi sau 1975* của Nguyễn Thị Bình; *Kỹ thuật dòng ý thức qua Nỗi buồn chiến tranh của Bảo Ninh* của Nguyễn Đăng Điệp; *Cấu trúc tự sự của truyện ngắn Nguyễn Huy Thiệp* của Nguyễn Văn Tùng; *Tự sự trong Cơ hội của Chúa – cách tân và giới hạn* của Trần Văn Toàn... đã lý giải về những cách tân của tiểu thuyết theo tinh thần hậu hiện đại.

Năm 2005, T/c Nghiên cứu Văn học, số 8 có bài *Quan niệm thực tại và con người trong văn học hậu hiện đại* của Đào Tuấn Ảnh, tập trung lý giải hai vấn đề: thực tại và con người trong tính quan niệm của văn chương hậu hiện đại. Cũng trong số này còn có bài *Chủ nghĩa hậu hiện đại ở Ấn Độ* của Phạm Phương Chi, giới thiệu một số nét chính về văn học hậu hiện đại Ấn Độ. Trong năm này, Lê Huy Bắc giới thiệu công trình nghiên cứu *Truyện ngắn – Lý luận – Tác gia và tác phẩm* (2 tập), Nxb Giáo dục. Ở các mục *Truyện ngắn hậu hiện đại*, *Truyện ngắn nhạt*, *Chủ nghĩa cực hạn* và *Raymond Carver*, tác giả đã góp phần làm rõ nội hàm của lý thuyết văn học hậu hiện đại.

Năm 2007, được xem là năm xuất hiện nhiều công trình nghiên cứu về hậu hiện đại nhất, kể từ trước đó. Trên T/c Văn học, số 12, có thể xem như số chuyên đề văn học hậu hiện đại, với các bài: *Chủ nghĩa lịch sử mới, một chuyển biến trong lòng chủ nghĩa hậu hiện đại* của

Phương Lựu; *Dấu ấn của chủ nghĩa hậu hiện đại trong văn học đương đại Trung Quốc* của Trần Quỳnh Hương; *Những dấu hiệu của chủ nghĩa hậu hiện đại trong văn học Việt Nam qua sáng tác của Nguyễn Huy Thiệp và Phạm Thị Hoài* của Lê Nguyên; *Những yếu tố hậu hiện đại trong văn xuôi Việt Nam qua so sánh với văn xuôi Nga* của Đào Tuấn Anh; *Lịch sử trong truyện ngắn Nguyễn Huy Thiệp và dấu vết của hệ hình thi pháp hậu hiện đại* của Cao Kim Lan. Các tác giả đã xem xét một cách khách quan khái niệm “hậu hiện đại” và chỉ ra nó là một “định tính thẩm mỹ” cho một khuynh hướng văn học, mà Nguyễn Huy Thiệp, Phạm Thị Hoài thuộc thể hệ tiên phong. Cũng vào năm này, bộ *Từ điển thuật ngữ văn học* do Trần Đình Sử, Lê Bá Hán, Nguyễn Khắc Phi chủ biên, Nxb Giáo dục, đã đưa vào mục “Hậu hiện đại”, xem đây là thuật ngữ chính thức của văn học.

Năm 2008, trong bộ giáo trình *Lý luận văn học* (3 tập), Phương Lựu chủ biên, Nxb Đại học Sư phạm Hà Nội, đã đưa chủ nghĩa hậu hiện đại vào tập 3 (*Tiến trình văn học*), xem đây là một khuynh hướng sáng tác của văn học thế giới đương đại. Cùng thời điểm này, Phương Lựu in bài viết *Những bậc tiên phong của tư duy hậu hiện đại* trên T/c Văn học, số 5, phân tích những đóng góp của J. Lacan từ phương diện phân tâm học cấu trúc và M.Foucault từ phương diện vô thức lịch sử. Tiếp theo, cuốn *Tư sự học một số vấn đề lý luận và lịch sử*, phần hai, Nxb Đại học Sư phạm, tiếp tục giới thiệu với độc giả một số bài viết về văn học hậu hiện đại, như *Kiểu tự thuật “đánh tráo” chủ thể trần thuật trong tiểu thuyết hậu hiện đại* của Trần Huyền Sâm; *Tư duy thơ trong tiểu thuyết Việt Nam đương đại* của Nguyễn Thị Bình. Trong năm này còn có cuốn *Song thoại với cái mới* của Inrasara. Từ điểm nhìn của một nhà phê bình và là nhà thơ hậu hiện đại, tác giả đã tranh luận trực tiếp và đưa ra những quan điểm mang tính khách quan để bảo vệ cho khuynh hướng văn học hậu hiện đại, với tâm nguyện mong muốn những sự đổi thay hợp lý ở nền văn học nước nhà.

Năm 2009, Nxb Văn hóa Thông tin phát hành tập tiểu luận – phê bình *Tiểu thuyết đương đại* của Bùi Việt Thắng. Trong cuốn sách, tác giả có đề cập đến một số nhà văn thuộc khuynh hướng hậu hiện đại như Nguyễn Huy Thiệp, Bảo Ninh, Tạ Duy Anh, Đoàn Minh Phượng.

Năm 2010, Phùng Văn Tửu công bố chuyên luận *Tiểu thuyết trên đường đổi mới nghệ thuật*, Nxb Tri thức. Diện khảo sát và nghiên cứu của cuốn sách là khá rộng, và điều lý thú ở cuốn sách này là, sau nhiều năm bần khoản, giờ đây ông đã sử dụng thuật ngữ hậu hiện đại để lý giải về sự vận động của tiểu thuyết và một số tác giả hậu hiện đại. Năm 2011, Phương Lựu công bố công trình *Lý thuyết văn học hậu hiện đại*, Nxb Đại học Sư phạm. Đây là công trình lý thuyết hoàn chỉnh đầu tiên về văn học hậu hiện đại của một học giả Việt Nam. Cũng trong năm này, Đỗ Lai Thúy công bố công trình *Phê bình văn học, con vật lưỡng thể ấy (Tư tưởng phê bình văn học Việt Nam, một cái nhìn lịch sử)*, Nxb Hội Nhà văn. Trong mục 12 *Phê bình văn học từ tâm nhìn hậu hiện đại*, ông đã phân tích một cách công tâm về văn học Việt Nam đương đại, chỉ ra cách hiểu đúng về hậu hiện đại, văn học hậu hiện đại (thế giới và Việt Nam). Năm 2012, có công trình *Văn học hậu hiện đại – lý thuyết và tiếp nhận* của Lê Huy Bắc, Nxb Đại học Sư phạm. Tác giả quan niệm, lý thuyết văn học hậu hiện đại không phải là thứ cứng nhắc, máy móc (như trong chủ nghĩa hiện thực), mà là lý thuyết mở, nó đem lại cho người đọc sự tự do về nhiều cách hiểu, trên cơ sở của tính đối thoại dân chủ.

Năm 2013, có thể xem là năm bùng nổ của các công trình nghiên cứu hậu hiện đại ở nước ta. Trước hết là cuốn *Văn học hậu hiện đại – Diễn giải và tiếp nhận*, Nguyễn Thành, Hồ Thế Hà, Nguyễn Hồng Dũng chủ biên, Nxb Văn học. Cuốn sách là kết quả của cuộc Hội thảo khoa học Quốc gia được Khoa Ngữ Văn, Trường Đại học Khoa học Huế đứng ra tổ chức vào tháng 3 năm 2011. Tiếp theo là cuốn *Văn học hậu hiện đại – lý thuyết và thực tiễn* do Lê Huy Bắc, Lê Nguyên Cẩn, Đỗ Hải Phong tuyển chọn từ Hội thảo khoa học Quốc gia, khoa Ngữ Văn,

Trường Đại học Sư phạm Hà Nội tổ chức, năm 2013. Trong năm này, Lê Huy Bắc tiếp tục chủ biên cuốn *Phê bình văn học hậu hiện đại Việt Nam*, Nxb Tri thức. Ngoài ra còn có cuốn *Lý thuyết phê bình văn học hiện đại (Tiếp nhận & ứng dụng)*, Trường Đại học Hồng Đức, Nxb Đại học Vinh, với các bài *Lý thuyết phê bình hậu hiện đại như một siêu ngữ* của Lê Huy Bắc; *Phi trung tâm – Khái niệm và tiếp nhận* của Nguyễn Thị Hạnh; *Liên văn bản và nghiên cứu văn học ở Việt Nam* của Đặng Lưu; *Thực hành đọc thơ hậu hiện đại: Bài Bóng chữ của Lê Đạt* của Lê Như Bình.

Văn học hậu hiện đại những năm gần đây đã được đưa vào chương trình đào tạo đại học và cao học, trở thành đề tài nghiên cứu của rất nhiều luận văn, luận án văn học. Trong đó, có những luận án tiến sĩ trực tiếp nghiên cứu về văn xuôi hậu hiện đại Việt Nam của Phùng Gia Thế, Lê Văn Trung...

Hoạt động tìm hiểu, nghiên cứu và ứng dụng lý thuyết hậu hiện đại vào văn học Việt Nam còn có sự tham gia tích cực của các tác giả người Việt đang định cư ở nước ngoài, đặc biệt là Nguyễn Hưng Quốc, Hoàng Ngọc Tuấn, Diễm Cơ (Thụy Khê), Nguyễn Ước...

Các công trình nghiên cứu, phê bình hậu hiện đại còn được cập nhật rất nhiều trên mạng internet. Trên những trang web trong và ngoài nước, có nhiều tài liệu để tham khảo, có nhiều bài viết có giá trị gợi ý, định hướng và ứng dụng, đã mang đến những thông tin kịp thời cho người đọc. Chính các trang web này đã góp phần tích cực cho sự phổ biến lý thuyết hậu hiện đại ở trong nước.

Đặc trưng của quá trình tiếp nhận lý thuyết hậu hiện đại, một lý thuyết không chủ trương xây dựng hệ thống quan niệm, là dẫn tới sự tồn tại những cách hiểu khác nhau, thậm chí mâu thuẫn nhau. Điều này là một hiện tượng đương nhiên, bởi mỗi người tiếp nhận có một “tâm đón đợi” khác nhau, mặt khác là khoảng cách và giới hạn thẩm mỹ đặc thù của nền văn hóa bản địa không phải cái gì cũng tương thích với “phông” văn hóa gốc nơi lý thuyết đó ra đời. Trong quá trình tiếp nhận lý thuyết văn học hậu hiện đại ở Việt Nam, thì xu hướng xem hậu hiện đại như một trạng thái tinh thần xã hội, biểu trưng cho một quy luật phát triển văn học là phổ biến. Qua việc hệ thống các bài viết và các công trình nghiên cứu hậu hiện đại trong nước ở mục 1.2, có thể nhận thấy quan điểm đón nhận của đa số, và hầu hết những nhà nghiên cứu có uy tín đều cùng có chung tiếng nói đồng thuận về chủ nghĩa hậu hiện đại và văn học hậu hiện đại. Chúng ta không thổi phồng vai trò của chủ nghĩa hậu hiện đại đối với sự phát triển văn hóa, văn học dân tộc trong điều kiện hiện nay, nhưng chúng ta cũng phải thừa nhận những tác động khách quan của nó đối với sự vận động của văn nghệ thời gian vừa qua. Thành quả có được không phải tự nhiên mà có. Sự nỗ lực của một đội ngũ đông đảo các nghệ sĩ, các nhà khoa học của đất nước trong việc nghiên cứu, ứng dụng suốt nhiều năm qua để tạo ra những giá trị mới là điều phải được công nhận. Đã có rất nhiều trăn trở và công sức để tạo ra những giá trị văn hóa mới, chúng chưa có thể nói là tốt hơn trước, nhưng chắc chắn là hợp lý hơn.

Chương 2

TIẾP NHẬN CHỦ NGHĨA HẬU HIỆN ĐẠI TRONG VĂN HỌC VIỆT NAM TỪ 1986 ĐẾN 2010

2.1. Giới thuyết về chủ nghĩa hậu hiện đại

2.1.1. Những điều kiện hình thành chủ nghĩa hậu hiện đại

Điều kiện triết học

Chủ nghĩa hậu hiện đại được khởi nguồn từ nhiều điều kiện khác nhau, tuy vậy, cần phải hiểu rằng, nó được bắt đầu từ triết học. Xét về mặt tư tưởng, cơ sở của chủ nghĩa hậu hiện đại đến từ nhiều lĩnh vực, từ triết học về ngôn ngữ, triết học về khoa học, triết học về nữ quyền, phân tâm học.

Triết học ngôn ngữ: Với vai trò là người sáng lập ra triết học về ngôn ngữ (cùng với B.Russell), L.Wittgenstein đã thực hiện một bước ngoặt lớn trong triết học phương Tây thế kỷ XX. Không nhìn những vấn đề của triết học dưới hai phạm trù cơ bản là vật chất và tinh thần, Wittgenstein đã nhìn nhận thế giới dưới các quy tắc và đặc điểm của ngôn ngữ. Năm 1953, trong cuốn *Truy tầm triết học*, ông nhấn mạnh đến tính đa chức năng của ngôn ngữ, đồng thời đưa ra khái niệm về “trò chơi ngôn ngữ”. Khái niệm này đã biến mọi nhận thức luận của con người, dù là khách quan nhất, đều chỉ là các diễn ngôn của trò chơi ngôn ngữ. Cùng thời với Wittgenstein là M.Heidegger, người đã có công lao lớn trong việc hình thành Trường giải học hiện đại, bộ môn có nhiều ảnh hưởng sâu sắc đến các nhà hậu hiện đại. Mọi quan tâm về tinh thần và bản chất ngôn ngữ trong mối quan hệ với tồn tại đã được Heidegger xem là một trọng tâm trong nghiên cứu triết học hiện đại. Theo ông, không thể chỉ xem xét ngôn ngữ trong những chức năng thuần ngôn ngữ, vì ẩn trong các hệ thống hình thức có tính ổn định bên ngoài luôn tiềm chứa những thay đổi không thể tiên liệu và sự dịch chuyển nằm sau những cấu trúc ngôn ngữ.

Phê phán chủ nghĩa cấu trúc với những nhìn nhận mang tính hình thức, bất biến và siêu hình về ngôn ngữ, quan niệm máy móc về quá trình tạo nghĩa, những nhà hậu cấu trúc lại có một cách nhìn khác về ngôn ngữ. Các nhà hậu cấu trúc, mà cụ thể là những nhà giải cấu trúc như Derrida vẫn xem văn bản là trung tâm của thế giới (dĩ ngôn vi trung), nhưng văn bản lại là một kết cấu “có tính vẫy gọi”, một văn bản mở. Các nhà hậu cấu trúc vẫn xem ngôn ngữ là phương tiện giao tiếp xã hội và công cụ nhận thức, nhưng họ lên án sự lạm dụng và áp đặt ngôn ngữ trong một trật tự mang tính đẳng cấp, biến ngôn ngữ thành những điều dối trá hợp thức, làm “thoái hoá ngôn ngữ”. Vì vậy, họ “coi phê phán ngôn ngữ như phê phán văn hoá và văn minh”. Qua những nét chính được nêu trên của lý thuyết triết học về ngôn ngữ, chúng ta có thể thấy mọi nỗ lực của các nhà tiên phong trong lĩnh vực này đều xoay quanh việc mở rộng giới hạn cho những cách hiểu ngôn ngữ, cách cắt nghĩa văn bản, phương thức tạo nghĩa của từ ngữ. Chính cơ sở nền tảng chung đó đã tạo tiền đề quan trọng cho sự ra đời chủ nghĩa hậu hiện đại.

Để đáp ứng chức năng diễn giải tư duy hậu hiện đại, mà tính đặc thù của nó gắn kết với tư duy văn học nghệ thuật, một phái sinh của chủ nghĩa hậu cấu trúc là chủ nghĩa giải cấu trúc ra đời. Chủ nghĩa giải cấu trúc là thực tiễn hoạt động phê bình, nghiên cứu văn học, mà nội dung và phương pháp của nó được trù xuất từ lý thuyết khái quát hậu cấu trúc. Cũng từ lý thuyết này đã sản sinh ra các nhánh như “Phê bình nữ quyền”, “Phê bình sinh thái”, “Phê bình hậu thực dân”... Đại diện lớn nhất của chủ nghĩa giải cấu trúc là J.Derrida. Quan điểm chính của Derrida là, trong văn bản không bao giờ tồn tại một dạng thức được định hướng cụ thể và bất biến, cấu trúc là một hệ thống mở và động, gồm nhiều thành tố với những tính chất khác nhau và không được hiểu giống nhau; luôn luôn vận động tùy theo hoàn cảnh và người cắt nghĩa, giống như một trò chơi. Theo Derrida, việc phân tích văn bản (dựa vào nguyên tắc giải cấu trúc) là phải chỉ ra tính bất ổn của các lớp nghĩa chứa trong văn bản, chỉ ra những nghĩa bị bỏ sót, những nghĩa bị che khuất; nghĩa lệ thuộc vào sự hiểu của người đọc hay thế hệ người đọc.

Phân tâm học cấu trúc: Bên cạnh những yếu tố kế thừa từ triết học ngôn ngữ, tư tưởng hậu hiện đại còn được xây dựng từ những tiền đề của phân tâm học. Ở đây, chúng tôi chỉ điểm qua

lý thuyết của J.Lacan, một trong những nhà phân tâm học cấu trúc có ảnh hưởng trực tiếp đến sự hình thành của lý thuyết hậu hiện đại. Lý thuyết của J.Lacan đã gợi ý hai vấn đề quan trọng ở những cách hiểu mới về tồn tại xã hội và tồn tại nghệ thuật. Ở vấn đề thứ nhất, vấn đề giới tính, J.Lacan cho rằng thế giới mà chúng ta sống luôn tồn tại một tiền giả định là những “trật tự biểu trưng”, được hình thành dựa trên những quan hệ về chủng tộc (huyết thống), giới tính và ngôn ngữ, con người (đứa trẻ) khi sinh ra buộc phải thích ứng với trật tự này. Nhưng vấn đề là, trong trật tự của giới tính, chỉ có đàn ông mới biểu trưng cho quyền lực, do đó, phụ nữ là thành phần bị loại bỏ hoàn toàn ra khỏi xã hội. Chính từ những luận điểm của Lacan, các nhà nữ phân tâm học đã xây dựng nên lý thuyết nữ quyền hậu hiện đại, như một sự phản ứng với trật tự thế giới được thông trị bởi nam giới.

Trong vấn đề thứ hai, với phát ngôn nổi tiếng: “Vô thức được cấu trúc như một ngôn ngữ”, Lacan chưa hẳn đã có được sự thừa nhận của số đông, nhưng chí ít, ông đã buộc người ta phải xem lại những cách hiểu về cấu trúc não bộ, tâm thần bộ và chức năng tâm lý não bộ đã được diễn giải từ Freud. Dựa vào những gợi ý từ quan niệm của Lacan, văn học hậu hiện đại đã tạo ra các kỹ thuật viết: dòng ý thức, dòng hiện không thời gian, đa nhân cách...; văn học hậu hiện đại đã tạo ra các kỹ thuật: mờ hóa, giải nhân cách hóa, phi thời gian tuyến tính, nguy tạo nhân vật...

Xuất phát từ những diễn giải của lý thuyết và thực tiễn của chủ nghĩa hậu cấu trúc / giải cấu trúc, của phân tâm học hậu hiện đại, nghiên cứu – phê bình văn học hậu hiện đại đã xây dựng những khái niệm triết – mỹ cơ bản có khả năng thu tóm được tinh thần văn học hậu hiện đại và từ những khái niệm cơ bản này, một tập hợp các thủ pháp nghệ thuật được trừu xuất, tạo mối quan hệ hai chiều giữa lý thuyết và sáng tác.

Ngôn ngữ nhị phân: Một vấn đề hết sức quan trọng của ngôn ngữ thời hậu hiện đại mà chúng ta không thể không bàn đến, và nó được xem như sản phẩm của ngôn ngữ hậu hiện đại: ngôn ngữ lập trình máy tính. Nhìn từ đỉnh của sự vận động xã hội loài người, thì con người ngày nay đang sống trong một hoàn cảnh văn hóa mới – văn hóa hậu hiện đại. Đặc trưng của nền văn hóa này là tính phổ cập và tính tương tác được tính bằng giây, được tạo nên bởi công nghệ điện tử - viễn thông. Hạt nhân giao tiếp của công nghệ này là hệ ngôn ngữ lập trình máy tính, gọi là “ngôn ngữ nhị phân” với hai ký tự là 0 – 1...

Có thể nói, ngôn ngữ nhị phân đã thực sự khởi đầu cho một thời đại mới của tiểu thuyết. Việc nắm rõ quy tắc của ngôn ngữ nhị phân giúp cho con người có khả năng tiếp nhận đầy đủ hơn các biểu giá trị thẩm mỹ đặc thù của văn học hậu hiện đại. Bởi vì ngôn ngữ nhị phân trong thực tiễn đời sống văn học hiện nay đã không ngừng tạo ra những khả năng sáng tạo mới, trước hết là ở dạng văn bản mới với mối quan hệ nhà văn – văn bản – người đọc; tiếp theo là thể hiện tính riêng biệt của tư duy nghệ thuật với thời đại “nhà văn bàn phím” (chữ dùng của Lê Huy Bắc).

Triết học về khoa học và các học thuyết mới về tự nhiên: Có thể nói, tư tưởng của chủ nghĩa hậu hiện đại được hình thành dựa trên hai chân cơ bản, nếu triết học về ngôn ngữ cung cấp một phương thức mới nhằm tiếp cận những giá trị tinh thần (từ ngôn ngữ), thì triết học về khoa học cung cấp những nhận thức luận mới về hiện thực và tự nhiên. Chính vì vậy, trong cuốn *Hoàn cảnh hậu hiện đại*, ngoài dấu ấn lớn của Wittgenstein, Lyotard còn chịu ảnh hưởng sâu sắc bởi nhà triết học Th.Kuhn, “một trong ba khuôn mặt lớn nhất của triết học khoa học thế kỷ XX”. Theo Trần Quang Thái trong *Chủ nghĩa hậu hiện đại*, tư tưởng hậu hiện đại được phát triển trong một bối cảnh các ngành khoa học chứng kiến nhiều phát minh to lớn, đi kèm với nó là các quan niệm và học thuyết mới về khoa học. Một số học thuyết mới như Lý

thuyết tương đối, Cơ học lượng tử, Định lý bất toàn, Lý thuyết tai biến, Lý thuyết hỗn độn, Lý thuyết phức hợp, Điều khiển học, Hình học Fractal...

Nhìn chung, nếu như triết học về ngôn ngữ đã tạo lập cho nhân sinh quan hậu hiện đại một cách nhìn có tính dân chủ, bao dung về những “cái khác”, “cái ngẫu nhiên”, thì triết học về khoa học đã tạo lập cho thế giới quan hậu hiện đại một cách quan niệm về thực tại với đầy rẫy những bất định, sự hỗn độn và tương đối đã được xác minh là có thực.

Điều kiện kinh tế – xã hội

Nền kinh tế thế giới, sau hai cuộc đại chiến, đã dần dần hồi phục và phát triển mạnh mẽ, mà tập trung chủ yếu ở các nước tư bản phát triển “đã làm xuất hiện lối sống tiêu dùng đại chúng... trên quy mô rộng lớn hơn là sự hình thành xã hội tiêu dùng (consumer society)”. Một xã hội hậu công nghiệp đã được hình thành, với nền văn minh kỹ trị chiếm ưu thế. Chủ nghĩa tư bản toàn cầu lúc này đã dần bước sang “chủ nghĩa tư bản muộn” (thuật ngữ của Ernest Mandel).

Xét về phương diện xã hội, chủ nghĩa hậu hiện đại hình thành trong giai đoạn “thông trị” của chủ nghĩa tư bản tiêu dùng, nó lấn át, chi phối toàn bộ đời sống xã hội đương đại. Những điều này dẫn tới sự bất ổn, đó là hiểm họa luôn luôn lơ lửng không chỉ đối với xã hội mà nó xâm nhập vào hầu hết mọi gia đình. Điều này làm cho quan niệm và nhận thức của con người và cuộc sống ngày càng bị đơn giản hóa (giản lược) và lệ thuộc, thiếu khả năng ứng phó.

Điều kiện văn hóa, nghệ thuật

Nhìn chung, xét về mặt văn hóa, chủ nghĩa hậu hiện đại ra đời trong giai đoạn mà nghệ thuật truyền thống bị chủ nghĩa tiêu dùng lấn át một cách mạnh mẽ. Chủ nghĩa tiêu dùng đã đẩy giá trị tiền tệ của các tác phẩm nghệ thuật lên một mức khủng khiếp. Như vậy, cái “thực tại thậm phồn” (hyper – reality, có chỗ dịch là “phi đại”) do ngành công nghiệp marketing tạo ra, đã đưa con người vào trong một thế giới nghệ thuật mà vốn dĩ ở đó, “cái được tái tạo” (bản sao) và “cái phục chế cho những gì đã mất” (di vật) lại được đặt cao hơn giá trị thẩm mỹ, một khi bản gốc lại được quyết định giá trị từ những bản sao (được bán ra). Xã hội của chúng ta bị thông trị bởi các thiết chế truyền thông và quảng cáo. Con người ngày càng bị phụ thuộc vào mối quan hệ giữa bản thân với các giá trị ảo, chứ không phải bởi giá trị của chính mình. Do đó, từ trong tâm thức sâu thẳm, con người ngày càng trở nên cô đơn, cái cảm giác đối diện với hư vô ngày càng hiện rõ.

2.1.2. Các quan niệm về chủ nghĩa hậu hiện đại

Khái niệm chủ nghĩa hậu hiện đại là một khái niệm mở. Trong thực tế, đã có rất nhiều quan niệm về chủ nghĩa hậu hiện đại, do nhiều nguyên nhân khác nhau cùng cộng hưởng lại. Thứ nhất, hậu hiện đại không đơn thuần là một trào lưu trong một phạm vi của một lĩnh vực nào đó, mà mỗi ngành lại có một quan niệm riêng về hậu hiện đại, thích ứng với nội dung và tiến trình vận động của nó. Thứ hai, bản chất của hậu hiện đại là giải khu biệt hoá, giải hợp thức hoá các hệ hình lý thuyết có tính chất đại tự sự. Vì vậy, lý thuyết hậu hiện đại đề cao tính hỗn độn, bất định và phi trung tâm hoá, và mỹ học hậu hiện đại cũng chủ trương giải – thẩm mỹ hoá.

Về phương diện triết học: J.F.Lyotard trong công trình *Hoàn cảnh hậu hiện đại* (1979) coi hậu hiện đại là sự nỗ lực chống lại các “đại tự sự” của chủ nghĩa duy lý thời Khai Sáng cùng các di sản của nó. H.Foster phân chia ra hai loại chủ nghĩa hậu hiện đại: một loại mang tính tân bảo thủ (theo kiểu nhân văn chủ nghĩa) và một loại mang tính hậu cấu trúc chủ nghĩa, nhưng cả hai loại đều chủ trương triệt tiêu hoặc giải thể chủ thể (1984). F.Jameson cho rằng “sự tha hoá của chủ thể” trong chủ nghĩa hậu hiện đại đã được thay thế bằng “sự phân mảnh của chủ thể” trong chủ nghĩa hậu hiện đại, hơn thế, đó còn là một “sự phân mảnh mang tính tình

thần phân liệt” (1983-1984). Theo từ điển thuật ngữ triết học *Hành trình cùng triết học* do Ted Honderich chủ biên (Nxb Văn hoá Thông tin, 2002), hậu hiện đại là: “Thuật ngữ “sự tương đồng gia đình” được triển khai theo đủ loại bối cảnh... dành cho những sự vật dường như có liên quan, nếu có, bằng một sự đa dạng về phong cách thông thường và một ước muốn mơ hồ được thực hiện với các chủ định của nền văn hoá mang tính hiện đại cao...” [tr.822]...

Về phương diện lịch sử:

J.Baudrillard xem hậu hiện đại là “thời gian, khi loài người đạt tới sự cáo chung của lịch sử”, đó là thế giới của những sự mô phỏng và chỉ là mô phỏng mà thôi, trong đó con người không còn phân biệt được giữa hiện thực và mô phỏng (1983). Ch.Jencks gọi hậu hiện đại “là thời đại của sự lựa chọn không ngừng. Đó là thời đại không có sự chính thống nào có thể được tiếp nhận..., là một thứ hỗn hợp mang tính chiết trung của bất cứ truyền thống nào với những gì mới qua”. G.Lipovetsky cho rằng hậu hiện đại là “sự quay trở về với nguồn gốc của con người”...

Về phương diện văn hoá:

L.Fiedler xem hậu hiện đại chỉ chú trọng đến những nền văn hoá mới mang tính phản lý tính (1965). Lyotard xem hậu hiện đại là giai đoạn mà thân phận của tri thức bị phụ thuộc vào các phương tiện truyền thông đại chúng (1979). U.Eco xem hậu hiện đại là “sự xem xét lại một cách mỉa mai cái điều đã được phát biểu trong một thời đại của sự ngây thơ đã bị đánh mất” (1983). Baudrillard xem văn hoá hậu hiện đại là thế giới của những “vật nguy tạo” (1995). A.E.Chuchin-Rusov xem văn hoá hậu hiện đại là môi trường có thể làm cho con người “cảm thấy tự do bay bổng trong “chiều cạnh thứ tư của văn hoá”, không biết đến mọi giới hạn về thời gian và lãnh thổ” (1999). M.Epstein xem văn hoá hậu hiện đại là kết quả của sự “phì đại” (hyper) trên mọi lĩnh vực, tạo ra một không gian văn hoá giả (speudo). J.Collin nhìn nhận văn hoá hậu hiện đại từ góc độ kết hợp văn hoá đại chúng với văn hoá địa phương. M.Featherstone xem văn hoá hậu hiện đại là văn hoá tiêu thụ được thẩm mỹ hoá. D.Kellner và S.Best xem văn hoá hậu hiện đại là kỹ-văn hoá (technoculture)...

Về phương diện nghệ thuật (kiến trúc, hội hoạ):

R.Veturi đề xuất phương châm mới trong kiến trúc: “Ít hơn, tức là nhằm chán”. Kiến trúc hậu hiện đại theo ông là “sự phong phú, kỳ quặc, châm biếm và cả sự bối rối của cái thế giới nó chiếm lĩnh và cố gắng thể hiện”. Jenks xem kiến trúc hậu hiện đại là một phong trào lai tạp mới, “một sự pha trộn nhiều phong cách”. D.Kolb xem kiến trúc hậu hiện đại là một nền nghệ thuật mang tính châm biếm, cho nên cần có một thái độ phê phán nó. Ch.Masters xem kiến trúc hậu hiện đại và nghệ thuật tạo hình là sự kết hợp giữa chất liệu hình thức hiện đại với các phong cách và motif quá khứ, mang tính chiết trung. N.Pevsner lại xem kiến trúc hậu hiện đại là phong cách kiến trúc phản duy lý. Trong hội hoạ, theo từ điển *Microsoft Encara 99*, mỹ thuật hậu hiện đại được xem là “chủ nghĩa biểu hiện mới”...

Các quan niệm hậu hiện đại về văn học

Lý thuyết văn học hậu hiện đại là lĩnh vực có nhiều quan niệm nhất, ghi nhận nhiều thành tựu, nhưng đồng thời chứng kiến nhiều tư tưởng phức tạp nhất về hậu hiện đại. L.Hutcheon xem hậu hiện đại là “những khuynh hướng trong nghệ thuật dùng hình thức nhại để trình bày, phản ánh”. B.Smith quan niệm mỹ học hậu hiện đại là phản ứng chống lại quan điểm mỹ học nghệ thuật vị nghệ thuật, chống lại triết đề tính trừu tượng của mỹ học hiện đại (1945). I.Hassan cho rằng chủ nghĩa hậu hiện đại là “một thứ chủ nghĩa hiện đại muộn, phi lý tính, phi xác định, hỗn loạn, nhưng cũng mang tính nhập cuộc” (1971). J.F.Lyotard coi cái hậu hiện đại trong nghệ thuật là một bộ phận của lý thuyết hậu hiện đại, nằm trong lịch sử của “phong trào tiên phong” chống lại tính hiện đại theo nghĩa duy lý. Theo ông, hậu hiện đại khước từ về

mặt triết học việc biểu hiện sự vật; còn ở bình diện mỹ học đó là sự khước từ âm sắc và hình thể; hậu hiện đại là ý chí tuyệt giao với lý tính và với sự biểu hiện...(1979).

Năm 1990, K.Wales đã đưa mục “chủ nghĩa hậu hiện đại” vào *Từ điển phong cách học* của mình, xác định khái niệm “hậu hiện đại”: “được đưa ra vào những năm 1960 để miêu tả một khuynh hướng văn học đương thời, tiếp nối chủ nghĩa hiện đại.” [tr. 30]. Năm 1996, T.Eagleton trong *Dẫn luận lý luận văn học* đã nhận xét: “Tác phẩm nghệ thuật hậu hiện đại điển hình nhất là tùy tiện, đa tri, lai ghép, lệch tâm, dễ thay đổi, ngưng đọng, hệt như một mô phỏng” [tr. 31, dẫn theo Lê Huy Bắc]. Một yếu tố cần thiết khác để định dạng văn học hậu hiện đại là việc khu biệt phạm vi tác giả của đối tượng. B.Lewis, trong *Chủ nghĩa hậu hiện đại và văn chương* đã thống kê khá đầy đủ các tác giả nổi bật của văn học hậu hiện đại: “Văn chương hư cấu hậu hiện đại là một hiện tượng mang tính quốc tế, với những đại diện quan trọng từ khắp nơi trên thế giới” [tr. 237-238].

Trên đây là các quan niệm lý thuyết tiêu biểu về bản chất của chủ nghĩa hậu hiện đại trong văn học. Thuật ngữ “văn học hậu hiện đại” ngoài nghĩa chỉ thời gian, còn chỉ những sự quy định của các thuộc tính nghệ thuật đối với nó. Phần lớn các ý kiến đều nhấn mạnh đến các đặc tính của văn học hậu hiện đại như tính phi lý tính (hoặc phản lý tính), tính phi xác định, phi chủ thể, tính phân mảnh và tính đại chúng. Ngoài ra, văn học hậu hiện đại, để tạo nên đặc trưng diện mạo riêng đã sử dụng hàng loạt khái niệm, thuật ngữ (và trong số này nhiều cái được xem như thủ pháp nghệ thuật) trong cách viết, như cảm quan hậu hiện đại, siêu truyện, mặt nạ tác giả, giễu nhại, mã kép, phi lựa chọn, giải nhân cách hoá, bất tín nhận thức, ngoại biên, liên văn bản...

2.2. Tiếp nhận chủ nghĩa hậu hiện đại trong văn học Việt Nam

Chủ nghĩa hậu hiện đại trong văn học Việt Nam, mới dừng lại ở sự pha trộn và kết hợp giữa những yếu tố hiện đại và hậu hiện đại, trong đó, yếu tố hậu hiện đại giữ vai trò chủ đạo. Nói cách khác, chủ nghĩa hậu hiện đại trong văn học Việt Nam là một chủ nghĩa hậu hiện đại mang tính nguyên hợp.

Có thể nhận thấy đời sống văn học Việt Nam hiện nay có hai xu hướng đi theo lối hậu hiện đại. Một xu hướng kết hợp các thủ pháp hậu hiện đại (giễu nhại, liên văn bản, giải thiêng, cực hạn, huyền ảo, phân mảnh...) với các đặc trưng thể loại truyền thống. Các sáng tác của khuynh hướng này chủ yếu gắn với thể loại truyện ngắn và tiểu thuyết. Xu hướng thứ hai là sự đổi mới triệt để, từ hình thức cho đến nội dung theo hướng hậu hiện đại, cách ly hẳn với những truyền thống văn học cũ. Các sáng tác của xu hướng này chủ yếu gắn với thể loại thơ, mà đặc biệt là thơ Tân hình thức, thơ văn xuôi, thơ trình diễn...

Như vậy, trong chỉ hơn hai mươi năm, vừa tiến hành tiếp thu lý thuyết, vừa triển khai ứng dụng vào sáng tác, lại phải vừa tiến hành việc tiếp thu và ứng dụng nhiều hệ hình lý thuyết văn học khác, có thể nói văn học theo xu hướng hậu hiện đại Việt Nam đã có những thành tựu nổi bật. Không thể phủ nhận rằng, những năm cuối thế kỷ XX và đầu thế kỷ XXI, hậu hiện đại là một trong những tiêu ngữ mang lại nhiều nguồn cảm hứng và sự quan tâm nhất của cả giới sáng tác và nghiên cứu. Dẫu còn nhiều bất cập, nhưng hậu hiện đại vẫn là giai đoạn phát triển mang tính tất yếu trong văn học nước nhà. Từ sự nhận thức đó, quá trình dần bước trên con đường hậu hiện đại, sự phát triển về mặt lý thuyết lẫn sáng tác nhanh hay chậm, bảo tồn bản sắc hay lai căng mất gốc, đổi mới triệt để hay kế thừa cơ bản, lại phụ thuộc nhiều vào vai trò của giới nghiên cứu – phê bình văn học.

2.2.1. Tiếp nhận và ứng dụng trong nghiên cứu – phê bình

Nhằm xác lập một cái nhìn mang tính tổng quan về những quan niệm mới trong nhận thức và sáng tạo của nghệ thuật hậu hiện đại, thông qua các bản dịch, chúng tôi tạm chia thành một số luận điểm chính như sau:

Tính giải thẩm mỹ: Trong công trình có thể xem là “triết học về phân tích nghệ thuật” – *Thế mà là nghệ thuật ư?* của C. Feeland, chúng ta được trang bị một cách nhìn mới về tính quan niệm nghệ thuật. Theo bà, muốn hiểu một số hình thức nghệ thuật hậu hiện đại, trước tiên phải xác lập quan niệm như thế nào là nghệ thuật trước đã. Một tác phẩm nghệ thuật không nhất thiết phải tuân theo quy luật vận động của cái đẹp, Từ đó, Feeland kết luận rằng, một nghệ phẩm là một vật biểu hiện một ý nghĩa và lịch sử của nghệ thuật chẳng qua là lịch sử của các quan niệm về nghệ thuật.

Tính chất hậu thuộc địa: Tính quốc tế của văn nghệ hậu hiện đại dựa trên quá trình phi trung tâm hoá, giải đẳng cấp hoá, giải ngoại biên hoá và giải hợp thức hoá, đã cho thấy tính tự cường văn hoá ở những vùng đất hậu thuộc địa, trong bức tranh chung của nghệ thuật hậu hiện đại.

Tính chất thị giác và quá trình số hoá: Nghệ thuật hậu hiện đại gắn với một số tính chất chính như: tính phổ cập trong đời sống; tính tương tác đối với người tiếp nhận; tính phi bản gốc của các bản sao; tính gia tăng khả năng tri nhận (quay chậm, chụp cận cảnh); tính “hiệu quả gián cách” (giúp người tiếp nhận không nhầm lẫn giữa thực tại và nghệ thuật, ví dụ như kỹ xảo những tác phẩm điện ảnh); tính mảnh đoạn và đại chúng (ví dụ chương trình ca nhạc tạp kỹ truyền hình MTV); tính hiện thực thậm phồn (hyper) và siêu thực tại (thông qua các buổi chiếu phim 3D, công viên Disney Land)...

Ở Việt Nam, các hiện tượng văn học nổi bật từ những năm 1986 đến đầu thế kỷ XXI đã được các nhà nghiên cứu – phê bình chú tâm giải mã. Hệ thống lại các bài viết của họ, có thể rút ra một số vấn đề của chủ nghĩa hậu hiện đại và đặc tính văn học hậu hiện đại mà họ thường ứng dụng để tiếp cận, cắt nghĩa, lý giải văn bản.

Tính dân tộc và tính bình đẳng: Công cuộc hiện đại hoá lần thứ nhất, văn học Việt Nam chịu ảnh hưởng trực tiếp bởi văn học Pháp, còn ở lần thứ hai này, văn học Việt Nam có thể hướng cái nhìn ra khắp thế giới, tự chủ trong việc học hỏi và sáng tạo. Nhìn chung, không có một trào lưu nghệ thuật nào mà ở đó, tính địa phương và bản sắc riêng được coi trọng từ trong bản chất của lý thuyết như văn nghệ hậu hiện đại.

Phong trào nữ quyền: Cuộc đấu tranh nhằm xác lập vị trí của một nửa nhân loại vốn bị xem là “giới tính hạng hai”, không chỉ là một trong những tiêu chí của văn học hậu hiện đại Việt Nam, mà còn là nội dung cơ bản của văn học hậu hiện đại thế giới.

Đề tài: Văn học Việt Nam sau 1975 có nhiều sự đổi mới mang tính cách mạng, hai trong số những cây bút tiên phong đó là Nguyễn Huy Thiệp và Phạm Thị Hoài. Những đóng góp của họ, trước hết là sự đổi mới đề tài, hiện tượng nhại thể loại và hình thức liên văn bản.

Phương thức tư duy nghệ thuật: Theo Lã Nguyên, cả hai tác giả Nguyễn Huy Thiệp và Phạm Thị Hoài đều sử dụng nguyên tắc câu đố và đồng dao làm phương thức tư duy nghệ thuật. “Câu đố” là hình thức trình bày ý tưởng qua nhiều lớp rào cản, các thông điệp được đặt trong logic của cảm giác, gần gũi với nguyên tắc “lạ hoá”. “Đồng dao” là phương thức làm “rỗng” ngữ nghĩa của ngôn từ, nhằm biến văn bản thành một trò diễn.

Phương thức trần thuật giễu nhại: Các tác phẩm của Nguyễn Huy Thiệp và Phạm Thị Hoài mang đặc trưng giễu nhại. Phạm Thị Hoài thì dụng công lạ hoá nhân vật, bằng cách không gọi tên, hoặc hư vô hoá nhân vật. Trong khi đó, Nguyễn Huy Thiệp còn tạo ra khoảng cách thẩm mỹ bằng cách đối lập giữa tên và tính cách nhân vật, giữa vai xã hội với vai tính cách. Truyện

ngắn Nguyễn Huy Thiệp có xu hướng làm “giả thể loại”, “giễu nhại thể loại”; trong khi đó Phạm Thị Hoài có xu hướng sáng tạo ra hình thức “truyện ngắn-tiểu luận”, “tiểu thuyết- tiểu luận”[76,36].

Phê bình đối chiếu: Các nhà phê bình văn học Việt Nam còn mở rộng phạm vi tìm hiểu văn học hậu hiện đại sang các nền văn học khác, như Trung Quốc, Nga, Ấn Độ, Pakistan... để từ đó quy chiếu vào văn học Việt Nam.

Tính ngoại biên: Được xem là khái niệm quan trọng trong việc lý giải các vấn đề của văn học hậu hiện đại, gắn với vị trí văn học trong đời sống.

2.2.2. Tiếp nhận và ứng dụng trong sáng tác

Sự tác động của chủ nghĩa hậu hiện đại vào văn học Việt Nam là hết sức đa dạng và phức tạp. Một điều không thể tránh khỏi là sự va chạm, mâu thuẫn giữa những giá trị cũ và mới đã xảy ra khi văn học chuyển mình theo hướng hậu hiện đại. Lý giải những mâu thuẫn này trong từng thể loại, trước hết là gắn với việc lý giải về những biểu hiện của tư duy nghệ thuật hậu hiện đại trong sáng tác.

Thơ hậu hiện đại

Khuynh hướng thơ này có một số đặc trưng là lưu hành theo kiểu “ngoại biên” (tập trung chủ yếu ở những sáng tác thời kỳ đầu); tính giễu nhại và cắt dán, chủ trương thơ phải vui, giễu nhại thơ lãng mạn và cả ca dao; phá bỏ tính hệ thống của ngôn ngữ, đưa thơ ca hướng theo quan niệm của chủ nghĩa hậu cấu trúc, không ngần ngại sử dụng các biện pháp như nói ngược, hoặc các từ có tính chất thô tục; chủ trương đổi mới từ thi pháp cảm tính, cảm xúc mơ hồ, sâu lắng sang thi pháp đời thường... Đánh giá một cách khách quan, chúng ta nhận thấy bên cạnh tinh thần quyết liệt phá cách, thí nghiệm những kỹ thuật mới trong hình thức, thơ hậu hiện đại cũng đã gây ra không ít tai tiếng, đã tạo sự phản ứng gay gắt trong xã hội. Tuy vậy, thơ hậu hiện đại những năm gần đây có sự chuyển hướng tích cực, nghiêm túc hơn và có những đóng góp không nhỏ cho nghệ thuật.

Kịch hậu hiện đại

Chúng ta có thể tìm thấy dấu hiệu hậu hiện đại trong kịch Lưu Quang Vũ, người đã có những cách tân lớn trong địa hạt này. Trong thời điểm Lưu Quang Vũ sống và sáng tác, khái niệm hậu hiện đại chưa xuất hiện ở Việt Nam, nhưng tài năng của ông đã đẩy thể loại này tiếp cận với tinh thần hậu hiện đại. Sau này, nhà văn Nguyễn Huy Thiệp cũng đã có những tìm tòi để đổi mới kịch theo xu hướng hậu hiện đại, nhưng có lẽ không mấy thành công. Nhìn chung, do nhiều nguyên nhân khác nhau, kịch hậu như còn đứng ngoài “phong trào hậu hiện đại”.

Văn xuôi hậu hiện đại

Văn xuôi theo xu hướng hậu hiện đại được xem là tiên phong về đổi mới và có nhiều thành tựu nhất. Truyện ngắn và tiểu thuyết hậu hiện đại, trải qua nhiều thăng trầm, giờ đã có chỗ đứng vững chắc trên văn đàn. Có thể nói, chủ nghĩa hậu hiện đại đã làm thay đổi văn xuôi, đặc biệt là tiểu thuyết, cả chất và lượng. Sự vận động của tiểu thuyết Việt Nam từ hiện đại đến hậu hiện đại diễn ra trong một thời gian khá dài, tiềm ẩn trong sáng tác của Lê Lựu, Chu Lai, Ma Văn Kháng, Dương Hương, Nguyễn Minh Châu, Nguyễn Quang Thân, Võ Thị Hảo, Nguyễn Thị Thu Huệ... Có thể xem sáng tác của những nhà văn này nằm giữa làn ranh cũ và mới, với những trở trờ trên con đường đổi mới văn học. Nguyễn Huy Thiệp, Phạm Thị Hoài, Bảo Ninh được xem là những nhà văn đầu tiên tiếp cận với chủ nghĩa hậu hiện đại trong cách viết. Truyện của họ đã đem đến cho văn xuôi Việt Nam một luồng sinh khí mới, trong điều kiện thể loại này gần như đã cạn kiệt về khả năng nhận thức và phản ánh. Tiếp theo họ, các nhà văn theo xu hướng hậu hiện đại thế hệ thứ hai là Tạ Duy Anh, Hồ Anh Thái, Nguyễn Bình Phương, Nguyễn Việt Hà, Đặng Thân, Mạc Can, Châu Diên, Lê Anh Hoài, Thuận và

muộn hơn một ít là Nguyễn Đình Tú, Đoàn Minh Phượng, Nguyễn Cao Sơn, Vũ Đình Giang, Phong Điệp, Nguyễn Ngọc Tư...

Chương 3

TƯ DUY NGHỆ THUẬT HẬU HIỆN ĐẠI TRONG TIỂU THUYẾT VIỆT NAM TỪ 1986 ĐẾN 2010 – NHÌN TỪ QUAN NIỆM NGHỆ THUẬT, TÂM THỨC SÁNG TẠO VÀ THẾ GIỚI NHÂN VẬT

3.1. Quan niệm về nghệ thuật tiểu thuyết

3.1.1. Tiểu thuyết với quan niệm “trò chơi văn học”

Những đổi mới của tiểu thuyết Việt Nam những năm 1986 đến 2010 được gắn với quan niệm “trò chơi văn học”: từ các vấn đề thuộc về những yếu tố, đơn vị, hình thái, của văn bản văn học như kết cấu, nhân vật, điểm nhìn, ngôn ngữ..., cho đến quan niệm về nghĩa và ý nghĩa trong mối quan hệ tương tác giữa người sáng tác – tác phẩm với người đọc – được xem là người giải trò chơi. Quan niệm trò chơi là ý thức mới trong sáng tạo, soi chiếu vào quan niệm nghệ thuật của nhà văn với cảm quan đa trị, phi trung tâm, giải thiêng, xem tiểu thuyết là “trò chơi của các hình thức”. Điều này tạo thành một trào lưu cách tân trong tiểu thuyết theo xu hướng hậu hiện đại.

Ở thời đương đại, Phạm Thị Hoài được xem là người đầu tiên phát ngôn cho quan niệm trò chơi văn chương qua bài viết *Văn chương là một trò chơi vô tâm tích* (báo Văn Nghệ, số ra ngày 17/02/1990). Phạm Thị Hoài cũng là nhà văn đầu tiên biểu hiện tư duy trò chơi văn học với tiểu thuyết *Thiên sứ* (1988). Nhà văn đã đem đến những cái mới cho tiểu thuyết: Từ bỏ lối kể chuyện truyền thống, xây dựng truyện theo nguyên tắc cấu trúc chuỗi mảnh vỡ - lắp ghép; Sự tự do hư cấu, tạo một truyện kể mang tính giả tưởng, đưa nhân vật tham dự vào những trò chơi tưởng tượng; sử dụng thời gian như là trò chơi của người kể chuyện; trò chơi hướng đến người đọc, phá vỡ khung nhận thức quen thuộc, buộc người đọc vào “mê lộ” và để cho họ tự tìm đường ra.

Sau tiểu thuyết *Thiên sứ* của Phạm Thị Hoài, sự vẫy gọi của lý thuyết trò chơi đã lôi cuốn nhiều nhà văn, tạo nên một “khuyh hướng tiểu thuyết mang tính trò chơi” ở nước ta, với sáng tác của các nhà văn Bảo Ninh, Tạ Duy Anh, Hồ Anh Thái, Nguyễn Bình Phương, Nguyễn Việt Hà, Châu Diên, Thuận, Đoàn Minh Phượng, Đặng Thân, Nguyễn Đình Tú... Tiểu thuyết là một trò chơi ngôn ngữ và tiểu thuyết theo khuyh hướng hậu hiện đại, với những điều kiện có được vào thời đại của mình, đã thông diễn về trò chơi/trò chơi ngôn ngữ trong tính phóng khoáng nhất: tính tự do sáng tạo và tính dân chủ trong mối quan hệ giữa trò chơi với người chơi.

3.1.2. Tiểu thuyết với quan niệm “giải thiêng nghệ thuật”

Đến thời hậu hiện đại, thời “kịch phát” của chủ nghĩa hoài nghi, khủng hoảng của khủng hoảng nhận thức, đã đem đến cho con người những điều trái biệt với trước đây, được thể hiện rõ nhất trong tâm thế nhận thức và trong đức tin nhận thức. Cơ sở của những điều này có căn nguyên từ trong mâu thuẫn có tính bi kịch của lịch sử nhận thức luận: một mặt, con người đã nỗ lực đeo đuổi sự tiến bộ và trong một thời gian rất dài nó tin vào điều này, dựa vào tri thức khoa học; mặt khác, có những thế lực mạnh hơn niềm tin vào sự tiến bộ chi phối và lũng đoạn hành trình lịch sử nhân loại. Nhìn trên tổng thể, lịch sử xã hội là lịch sử thâm tóm lẫn nhau giữa tiến bộ và phản tiến bộ. Ở đây, là sự xô đẩy giữa khả năng, điều kiện và thực tế để phô diễn những cái ấy. Sự phát triển dích dắc của lịch sử đã chứng minh một sự thật, là xã hội loài người càng già bao nhiêu thì khả năng dự cảm của con người càng kém đi, con người lại càng

đánh mất năng lực phổ quát trong việc thu tóm và điều hành xã hội bấy nhiêu, vì vậy ngày lại càng rời xa mục tiêu của mình. Thêm vào đó, con người thời hậu hiện đại còn bị hành hạ bởi một cảm thức nằm trong chính bản thân nó, đó là sự nghi ngờ - bi quan về chính sự tồn tại của nó. Cảm thức này len lỏi vào trong toàn bộ hoạt động nhận thức của con người

Sự khủng hoảng trong nhận thức luận nghệ thuật hiện đại đã dẫn tới việc các nhà văn hiện đại cố gắng đi tìm một “mô hình thế giới” được cơ cấu mang tính chủ quan, giàu ý nghĩa nhân văn nhưng nằm đâu đó ngoài trọng lực của quả đất. Sự khủng hoảng nhận thức luận của nghệ thuật hậu hiện đại nhìn thế giới trong sự hỗn độn và hư vô. Như vậy, tiểu thuyết hậu hiện đại đã giữ lại một nửa nội dung cảm quan hiện đại (hỗn độn) và thay đổi nửa kia (hài hoà) bằng “hư vô”. Lịch sử thường được dẫn dắt bởi bản năng nhiều hơn bởi lý trí. Trong cảm quan hậu hiện đại, phía trước tồn tại của con người, suy cho tận cùng, cũng chỉ là hư vô, bởi vì hiện tại của nó đang là hư vô. Vì vậy, trong tiểu thuyết hậu hiện đại, các nhà văn đã đưa ra những quan niệm nghệ thuật khác về tồn tại và đi cùng với điều này là phương thức sáng tác của họ cũng khác trước. Tinh thần giải thiêng xuyên suốt trong tiểu thuyết của Phạm Thị Hoài, Bảo Ninh, Hồ Anh Thái, Nguyễn Bình Phương, Tạ Duy Anh, Châu Diên, Thuận...

3.2. Tâm thức sáng tạo của nhà văn

3.2.1. Tâm thức sáng tạo của nhà văn với bản thể dân tộc

Những biến đổi chung của thế giới thời hậu hiện đại gắn với tình trạng hậu hiện đại cùng hai vấn đề trung tâm: hoàn cảnh hậu hiện đại và tâm thức hậu hiện đại. Tâm thức hậu hiện đại là cái phát sinh trong lòng nhân loại, ở các quốc gia và châu lục. Nó có thể khác nhau về những biểu hiện đặc thù, nhưng nó có trạng thái chung là gắn với thân phận: thân phận dân tộc và thân phận cá nhân trong nỗi khắc khoải sinh tồn. Vì vậy, tâm thức luôn có sự đồng vọng giữa các dân tộc, giữa con người với con người, không phân biệt.

Tâm thức hậu hiện đại với tính bản địa và truyền thống văn hóa dân tộc

Tâm thức trước hết là cái tinh thần được biểu hiện của bản thể dân tộc, gắn với tính bản địa và truyền thống dân tộc. Văn học Việt Nam qua các thời kỳ đều gắn với điều này, và đến lượt mình, văn học hậu hiện đại cũng phải gắn với nó, tạo thành tâm thức hậu hiện đại. Trên thực tiễn phân tích các tác phẩm có yếu tố hậu hiện đại của văn học nước nhà, các nhà nghiên cứu đã chỉ ra không ít những đặc thù riêng của các nhà văn, góp phần bước đầu xây dựng một diện mạo hậu hiện đại Việt Nam. Trước tiên là các chủ đề khai thác trong tác phẩm, các nhà văn đã sử dụng rất nhiều chất liệu lịch sử và chất liệu dân gian, nhưng dưới một cảm quan mới – cảm quan hậu hiện đại, với các thủ pháp tiêu biểu như nhại lịch sử, giải thiêng, siêu hư cấu sử ký, giả thể loại... Mặt khác, văn học hậu hiện đại là một trào lưu quốc tế có sự phân bố đồng đều ở các nước đang phát triển, chứ không chỉ gói gọn vào những nền văn hoá lớn ở phương Tây. Tiểu thuyết Nguyễn Xuân Khánh xoay quanh các trục văn hóa, mang tính “mã kép”, quy về tâm thức Phật giáo. Các vấn đề về Đạo giáo, tín ngưỡng dân gian, vô thức cộng đồng, sự phá vỡ không gian sinh tồn truyền thống... là những vấn đề trung tâm trong tiểu thuyết của Nguyễn Bình Phương, Nguyễn Đình Tú, Đỗ Minh Tuấn, Đoàn Minh Phương...

Tâm thức hậu hiện đại với những ám thị lịch sử

Theo một số nhà nghiên cứu, tâm thức hậu hiện đại ở Việt Nam mang dấu ấn của tâm thức “hậu thực dân”, nhất là trong các tiểu thuyết lịch sử viết về thời kỳ đất nước đang còn là thuộc địa. Tâm thức hậu thực dân trong văn học Việt Nam đâu không phổ biến, nhưng lại cung cấp nhiều cái nhìn quan trọng, mới mẻ mang tính hậu hiện đại về lịch sử dân tộc, đặc biệt là cảm thức bênh vực và bảo vệ cho những “cái khác”, “cái nhược tiểu”, “cái bản địa” so với cái thực dân đóng vai trò như một đại tự sự. Với Đào Tuấn Anh, cảm thức hậu hiện đại ở Việt Nam còn gắn với cảm thức “hậu hiện thực xã hội chủ nghĩa”, một cảm thức gắn gũi với cảm thức ở

Nga thời “hậu Xôviết”. Với Inrasara trong *Nhập lưu hậu hiện đại kỳ 7* lại xem tâm thức hậu hiện đại ở Việt Nam còn gắn với nội dung nữ quyền luận.

Nhìn chung, từ tâm thức hậu hiện đại mang các đặc thù Việt Nam, các nhà nghiên cứu văn học đã đi sâu vào phân tích các thủ pháp hậu hiện đại trong những tác phẩm cụ thể của các nhà văn được xem ít nhiều có “yếu tố” hậu hiện đại. Căn cứ cốt lõi nhất để xem xét vẫn là tâm thức hậu hiện đại, và các thủ pháp trên trong những sáng tác văn học Việt Nam chừng nào thiết lập được một quan hệ với cái tâm thức ấy, thì tác phẩm đó mới là tác phẩm hậu hiện đại hoặc có dấu ấn hậu hiện đại. Tiểu thuyết *Trong sương hồng hiện ra* của Hồ Anh Thái là một ẩn dụ nghệ thuật về tiến trình lịch sử qua sự thẩm định của thời gian. Trong *Ngôi* của Nguyễn Bình Phương, nhà văn đã sử dụng thời gian như một lát cắt để định dạng lịch sử và qua đó tái hiện lại các không gian văn hóa Việt.

3.2.2. Tâm thức sáng tạo của nhà văn trước thực tại

Tiểu thuyết hậu hiện đại thiên về xu hướng phản tư, cảnh tỉnh con người và xã hội trước những vấn nạn đặt ra ở đất nước trong nền kinh tế thị trường, tập trung vào những nội dung chính: sự tan rã trong quan hệ gia đình và xã hội, sự tha hoá về nhân cách. Các tác phẩm chú trọng tới diễn giải cảm thức về xã hội và con người Việt Nam đương đại, đi vào phân tích những nguyên nhân khởi phát từ xã hội tiêu thụ, sự thay đổi quan niệm về các nấc thang giá trị. Tiểu thuyết hậu hiện đại đã phê phán kiểu con người biến thái và cái tôi chủ quan cực đoan của nó. Đây là kiểu con người tự diệt, gắn với việc triệt phá văn hoá, triệt phá đạo đức, triệt phá điều kiện sinh tồn.

3.3. Thế giới nhân vật trong tiểu thuyết

3.3.1. Vấn đề kiểu loại nhân vật

Nhân vật và những biến thái của khái niệm hình tượng

Thế giới nhân vật trong tiểu thuyết hậu hiện đại là những mảnh đời được nhà văn tạo dựng, mỗi kiểu dạng là một phiên bản của khối hợp chủng có tính hỗn hợp và hòa trộn. Chúng là kết quả của sự ám thị của nhà văn về một thế giới không hoàn tất.

Trong tiểu thuyết hậu hiện đại, việc xây dựng các nhân vật “có chiều sâu” và khả năng khái quát (phổ biến trong tiểu thuyết truyền thống) được thay bằng “sự biến thái” nó, dạng sơ khởi của hình thức “ngụy tạo” (vật thể vì).

Nhận diện kiểu loại nhân vật

Trong tiểu thuyết của Phạm Thị Hoài, Bảo Ninh, Tạ Duy Anh, Hồ Anh Thái, Nguyễn Bình Phương, Nguyễn Việt Hà, Nguyễn Đình Tú, Thuận, Đoàn Minh Phượng..., thế giới nhân vật được quan niệm là những ảnh tượng đa chiều về thực tại:

- *Nhân vật lạc loài, cô đơn*, chủ yếu gắn với cảm thức lưu vong, thậm chí ngay trong ngôi nhà của mình và giữa người thân của mình.

- *Nhân vật nổi loạn, dấn thân*, chủ yếu gắn với sự phản ứng về điều kiện và hoàn cảnh sống, nhưng hơn hết là sự phản ứng với các giá trị truyền thống.

- *Nhân vật tha hóa*, là biến thái xấu của những dục vọng, những tham muốn không có giới hạn, là dạng người “vật hóa”.

- *Nhân vật đồng tính*, là mẫu người đặc thù trong tiểu thuyết đương đại, gắn với sự thay đổi môi trường sống, quan niệm giới tính.

- *Nhân vật tâm linh, siêu thực*, là dạng nhân vật rất phức tạp về cấu trúc, thường biểu hiện một thể nghiệm có tính quy chiếu của riêng nhà văn.

Từ sự nhận diện các kiểu loại nhân vật nêu trên, chúng ta nhận thấy quan niệm nghệ thuật về con người trong tiểu thuyết đã có những thay đổi căn bản, tập trung ở những khía cạnh

chính: *quan niệm về sự phức hợp giữa thể xác và tinh thần; sự dao động về giá trị, ý nghĩa sống và làm người; những bi kịch ẩn ức và bản năng tính dục.*

3.3.2. Những biến đổi khái niệm nhân vật

Các nhà nghiên cứu đã đưa ra nhiều kiến giải sâu sắc về phạm trù nhân vật, góp phần nhận diện những thay đổi trong quan niệm nhân vật ở tiểu thuyết hậu hiện đại. Tuy vậy, các ý kiến phê bình vẫn chưa có sự lý giải cụ thể về “điều kiện hậu hiện đại” trong nghệ thuật xây dựng nhân vật. Để bổ sung vào việc lý giải phạm trù này, chúng tôi đưa ra những điều kiện: - nghiên cứu nhân vật trong văn học hiện đại, hậu hiện đại phải được đặt trong lịch sử nghiên cứu lịch sử tư tưởng tư sản; - chú trọng sự thay đổi quan niệm về quan hệ: quan hệ nhân sinh, quan hệ với vũ trụ, quan hệ với những cảm thức trong chính con người; - sử dụng yếu tố ngôn ngữ để diễn giải sự tương tác hai chiều cá nhân – cộng đồng, gắn với vô thức; - vấn đề trung tâm – ngoại biên và bi kịch con người; - sự biến thể nhân vật, dạng sơ khởi của nhân vật “ngụy tạo” (vật thể vi).

Thế giới nhân vật trong tiểu thuyết của Phạm Thị Hoài, Tạ Duy Anh, Hồ Anh Thái, Nguyễn Bình Phương, Châu Diên, Phong Điệp, Thuận, Bùi Anh Tuấn... là những mảnh đời được nhà văn tạo dựng, mỗi kiểu dạng là một phiên bản của khối hợp chủng có tính hỗn hợp và hòa trộn.

Chương 4

TƯ DUY NGHỆ THUẬT HẬU HIỆN ĐẠI TRONG TIỂU THUYẾT VIỆT NAM TỪ 1986 ĐẾN 2010 – NHÌN TỪ PHƯƠNG THỨC THỂ HIỆN

4.1. Đa dạng hóa hình thức truyện kể và tự sự đa điểm nhìn

Một trong những điểm nổi bật nhất, góp phần quyết định tạo nên diện mạo của dòng tiểu thuyết mới này là việc mở rộng giới hạn nghệ thuật tự sự, tạo nên sự “lạ hóa” không chỉ đối với tiểu thuyết, mà còn làm phong phú thêm cho tư duy nghệ thuật ở người đọc.

4.1.1. Đa dạng hóa hình thức truyện kể

Tư duy ngôn ngữ hậu hiện đại đưa ra quan niệm mới về cấu trúc: cấu trúc giả định và cấu trúc tiền – giả định, một quan niệm cấu trúc hình thức mang tính ước lệ, có trước văn bản, nằm trong sự hình dung (giả định) của nhà văn, được gọi ra từ một điều kiện hay hoàn cảnh, tình huống nào đấy, có chức năng tạo nguyên cơ (ban đầu) cho truyện kể. Từ quan niệm về cấu trúc giả định hay tiền – giả định, nhà văn triển khai câu chuyện. Vì vậy, người đọc theo tinh thần hậu hiện đại chính là người giải cấu trúc, nghĩa là giải – trò chơi.

Quan niệm giải cấu trúc và lạ hóa cấu trúc đã đem đến những khả năng mới cho nghệ thuật tự sự, mà trước hết là sự đa dạng hóa hình thức truyện kể. Tiểu thuyết theo khuynh hướng hậu hiện đại Việt Nam có thể quy vào hai dạng hình thức truyện kể tiêu biểu sau: - Cấu trúc truyện kể mê lộ (ma trận), gồm mô thức dựa vào ký ức, mô thức lập trình máy tính; - Cấu trúc truyện kể theo mô thức giả, nhại, gồm giả lịch sử, giả huyền thoại, giả truyền kỳ, giả tự truyện, nhại trinh thám – hình sự, nhại biểu tượng, nhại cốt truyện. Các tiểu thuyết tiêu biểu là *Thiên sứ*, *Nỗi buồn chiến tranh*, *Đi tìm nhân vật*, *Thiên thần sám hối*, *Thoạt kỳ thủy*, *Trí nhớ suy tàn*, *Ngôi*, *Trong sương hồng hiện ra*, *SBC là sản bắt chuột*, *Người sông Mê*, *Cơ hội của Chúa*, *Blogger*, *Nháp*, *Phiên bản*, *Kín*, *Thần thánh và bướm bướm*, *Chuyện tình mùa tạp kỹ*, *Song song*, *Pari 11 tháng 8*, *Chinatown*, *Và khi tro bụi*, *Mưa ở kiếp sau*... Tuy nhiên, sự phân định này chỉ có tính tương đối, dùng để định dạng hình thức bên ngoài của văn bản, còn sự thường xuyên xâm nhập vào nhau của các hình thức cấu trúc trong một tác phẩm là điều tất

yếu. Các dạng cấu trúc truyện kể trên thường mang tính phiếm chỉ, một đặc trưng của cảm quan hậu hiện đại về thực tại, trong tính hỗn độn và bất định của nó.

4.1.2. Tự sự đa điểm nhìn

Điểm nhìn trong nghệ thuật tự sự là sự bắt đầu của một phương thức phát ngôn, để từ đó toàn bộ văn bản nghệ thuật được hiển lộ. Cấu trúc văn bản gắn với sự triển khai các điểm nhìn từ một phía hay từ nhiều phía. Tiểu thuyết theo khuynh hướng hậu hiện đại thường sử dụng điểm nhìn từ nhiều phía, đặt trong cấu trúc câu văn hiện tại chưa hoàn thành, tạo tính đa nghĩa và tính mơ hồ về nghĩa.

Tự sự các ngôi theo điểm nhìn đa diện

Tuy vẫn sử dụng ngôi kể truyền thống, nhưng các nhà văn đã hạn chế tối đa chức năng ngôi thứ ba, sử dụng rộng rãi ngôi thứ nhất như một ngôi kể tối ưu mang tính chủ quan, phù hợp với hành văn hậu hiện đại..

Nhà văn đã ứng dụng kỹ thuật trần thuật kết hợp nhiều chủ thể trần thuật khác nhau về cùng một vấn đề, tạo nên cảm quan đa trị về nhận thức và đa trị về thông tin.

Các tiểu thuyết *Đi tìm nhân vật*, *Cơ hội của Chúa*, *Người sông Mê*, *Tám ván phóng dao*, *Kín*, *Mưa ở kiếp sau...* là mô hình nghệ thuật biến đổi liên tục, thường xuyên thay đổi điểm nhìn.

Tự sự luân phiên điểm nhìn

Trong nhiều tiểu thuyết, nhà văn đã sử dụng khá thành công hình thức tự sự luân phiên điểm nhìn, là kỹ thuật trần thuật kết hợp nhiều điểm nhìn của các nhân vật khác nhau, hoặc sự thay đổi điểm nhìn của một nhân vật trần thuật, tạo ra “mê lộ” của các quan niệm và tính đa trị trong nghệ thuật tự sự.

Tự sự luân phiên điểm nhìn góp phần đắc lực trong việc trình bày cảm quan về một thế giới đang được sắp xếp lại, cơ cấu lại; văn bản là diễn ngôn “phiên bản” có tính cảm giác về thực tại.

Các tiểu thuyết *Trong sương hồng hiện ra*, *Đức Phật, nàng Savitri và tôi*, *Ngôi*, *Khải huyền muộn*, *Kín*, *Chinatown*, *T mát tích*, *Vân Vy...* là những thể nghiệm thành công trong sự hoán đổi ngôi kể, tạo nên kết cấu đa tầng của văn bản.

4.2. Kết cấu phân mảnh, lắp ghép và dung hợp, đan cài thể loại

Tiểu thuyết những năm 1986 trở về sau đã có sự cách tân mạnh mẽ về kết cấu, dưới ảnh hưởng của các khái niệm cảm quan hậu hiện đại, phi trung tâm hóa, giải cấu trúc... Các tiểu thuyết cách tân theo thi pháp hậu hiện đại những năm này, dù xây dựng kết cấu theo mô hình nào, đều sử dụng kỹ thuật phân mảnh - lắp ghép, dung hợp – đan cài thể loại như một thủ pháp nghệ thuật chủ đạo, đã tạo được sự thâm nhập vào văn bản cùng lúc nhiều chủ đề khác nhau về nhiều vấn đề không cùng đề tài, mở rộng giới hạn của nghệ thuật tự sự, đem đến cho tiểu thuyết một diện mạo mới.

4.2.1. Kết cấu phân mảnh, lắp ghép

Thuật ngữ “mảnh vỡ” trong quan niệm của các nhà hậu hiện đại gắn với lý thuyết “tác phẩm mở”, lý thuyết văn bản và liên văn bản, khẳng định quan niệm xem văn bản giống như “giải ngân hà của những cái biểu đạt”, theo mô thức ghép mảnh, lấy khái niệm “phi trung tâm” làm hạt nhân, tồn tại trong trạng thái thường xuyên vận động.

Sự phân mảnh cốt truyện

Nhìn chung, các nhà văn đều gần nhau ở quan niệm xem tiểu thuyết là “những vi văn bản”, trình bày tiểu thuyết như những đoạn đối thoại, đoạn suy nghĩ, những câu nói, câu đang nghĩ được tổ chức lại. Nhà văn tạo ra những cách mở đầu tác phẩm có tính mù mờ, sắp xếp các vấn đề một cách ngẫu nhiên, các nhân vật với các tình huống có sự kết nối lỏng lẻo, không – thời

gian phi tuyến tính, phi cơ học. Nhà văn chú ý xen cắt nhiều tuyến truyện kể khác nhau, nhằm tạo ra mê cung của những tuyến trần thuật, đưa hình thức tự sự hậu hiện đại thực sự là “những vi văn bản” (Lyotard).

Sự phân mảnh cốt truyện, sự chia cắt bề mặt văn bản là đặc thù trong kết cấu của các tiểu thuyết *Thiên sứ* của Phạm Thị Hoài; *Thiên thần sám hối*, *Đi tìm nhân vật*, *Giã biệt bóng tối* của Tạ Duy Anh; *Trí nhớ suy tàn*, *Ngôi* của Nguyễn Bình Phương; *Mười lẻ một đêm*, *Cõi người rung chuông tận thế* của Hồ Anh Thái; *Made in Vietnam*, *Chinatown* của Thuận; *Nháp*, *Kín* của Nguyễn Đình Tú...

Sự lắp ghép không – thời gian

Sự lắp ghép không – thời gian

Trong tiểu thuyết Việt Nam sau 1986, sự lắp ghép và pha trộn một cách có chủ ý của nhà văn trong kết cấu nhằm hai mục đích chính: 1. Xây dựng các kiểu và các chiều không gian bất thuận lý để nhằm tạo ra những thế giới vừa thực vừa ảo, thể hiện cảm quan bất an về con người và thế giới mà nó đang sống, chú trọng nhấn mạnh đến tính mong manh, rủi ro của cuộc sống đầy hiểm họa thời hậu hiện đại; 2. Sự xen cắt, đảo lộn của thời gian nghệ thuật tạo ra mê cung của những mối quan hệ giữa quá khứ, thực tại với những điều được tiên tri trong tương lai, tạo ra hiệu ứng thời gian vòng tròn của tiểu thuyết.

Phạm Thị Hoài vẫn được xem là nhà văn mở đầu của việc sử dụng thủ pháp lắp ghép trong tiểu thuyết *Thiên sứ*, nhưng những tiểu thuyết của Nguyễn Bình Phương mới có thể xem là có hệ thống và nổi trội nhất ở khía cạnh này. Ngay từ tiểu thuyết *Vào cõi* (1999), Nguyễn Bình Phương đã bắt đầu ứng dụng thủ pháp lắp ghép vào cấu trúc tác phẩm, từ những cái mơ hồ, ban sơ, kỳ bí, được bắt đầu cho đến mạch truyện được soi chiếu bởi cảm quan về một thế giới phân mảnh và hư vô. Kết cấu tiểu thuyết *Trí nhớ suy tàn* (2000) được triển khai trên nền độc thoại nội tâm của nhân vật, có dựa vào kỹ thuật dòng ý thức, nhưng không phải để tạo nên sự nổi mạch của các tuyến truyện kể, mà nó chỉ là những sự đoán mạch, đứt mạch, gãy mạch của dòng ý thức. Ghi nhận về thế giới với vô vàn mảnh vỡ qua cảm xúc mông lung và hoài nghi của nhân vật chính là chất keo thực sự được dùng để kết dính văn bản. *Thoạt kỳ thủy* là tác phẩm mang tính ước lệ, được soi chiếu bởi cảm quan về sự hư vô. Cấu trúc truyện kể là những mảnh đoạn rời rạc về con người, về đất trời, về sông núi được lắp ghép lại trong sự xô đẩy ngẫu nhiên của số phận, sự cuốn kéo của những đam mê nguyên thủy, sự nhào nặn vô cảm của tự nhiên, sự dẫn dắt vô hồn của lịch sử.

Lắp ghép không – thời gian cũng là thủ pháp nền tảng để tạo cấu trúc trong các tiểu thuyết *Trong sương hồng hiện ra*, *Đức Phật, nàng Savitri và tôi*, *Khải huyền muộn*, *Ngôi*, tạo được sự hài hòa giữa thực tại và giả tưởng, không gian và thời gian trong văn bản, sự hợp lý giữa lịch sử và huyền thoại.

4.2.2. Sự dung hợp, đan cài thể loại

Sự dung hợp các thể loại văn học

Sự dung hợp và tương tác thể loại được xem như sự biến thể của thủ pháp mảnh vỡ - lắp ghép, là sự phức hợp, đan cài nhiều mạch truyện, pha trộn nhiều thể loại, tạo nên tính đa diện của hình thức nghệ thuật tiểu thuyết đương đại. Nhu cầu đa dạng hóa các hình thức tổ chức tín hiệu thẩm mỹ buộc tiểu thuyết phải dung nạp vào nó các hình thức thể loại khác, biến chúng thành các thành tố tham gia vào quá trình tạo nghĩa.

Tính chất dung hợp và tương tác thể loại trở thành một phản xạ nghệ thuật ở thời hậu hiện đại, đem đến những hiệu ứng phổ biến trong sáng tác của các nhà văn, nhưng không phải là sự lặp lại, sự mô phỏng lẫn nhau. Nó là một mô thức nghệ thuật cho những ai đi theo khuynh hướng này, nó mở ra những biên độ không giới hạn cho nghệ thuật tiểu thuyết.

Tiểu thuyết của Phạm Thị Hoài, Nguyễn Bình Phương, Hồ Anh Thái, Nguyễn Việt Hà, Thuận, nổi bật bởi sự dung hợp và pha trộn thể loại. Trong đó, Nguyễn Bình Phương là người hết sức chú trọng đến thủ pháp này. *Trí nhớ suy tàn* thấm đượm chất thơ, khi những mảnh độc thoại của nhân vật nữ trở về với những ký ức, xúc cảm buồn, được cấu trúc dưới dạng những câu văn ngắn mang âm điệu... *Thoạt kỳ thủy* đan cài vào kết cấu của nó thể loại kịch và thơ. Ở *Người đi vắng* và *Những đứa trẻ chết già* ngoài sự kết hợp thơ, còn có sự bổ sung truyện ngắn và huyền thoại vào tiểu thuyết. *Ngôi* đã đẩy sự dung hợp thể loại đến cực điểm, tạo nên một cấu trúc “ma trận” hiếm có trong tiểu thuyết Việt Nam.

Sự đan cài các thể loại ngoài văn học

Nhu cầu đa dạng hóa các hình thức tổ chức tín hiệu thẩm mỹ buộc tiểu thuyết phải dung nạp vào nó các hình thức thể tài khác ngoài văn học. Tiểu thuyết *Pari 11 tháng 8* của Thuận, *Phiên bản*, *Kín* của Nguyễn Đình Tú, *Người sông Mê* của Châu Diên, *Blogger* của Phong Điệp... được xem là tiêu biểu cho phong cách đan cài giữa văn học với thể tài báo chí – truyền thông, thủ pháp điện ảnh, cấu trúc văn bản mạng..., tạo nên cấu trúc mang tính lập thể, làm biến đổi hình thức biểu đạt của nó.

4.3. Cách tân ngôn ngữ

Diện mạo của mỗi thời đại chủ yếu được nhận diện qua ngôn ngữ, qua các lớp từ vựng được xếp chồng lên nhau trong các văn bản. Nếu chúng biến mất thì lịch sử cũng mất theo. Có thể nói, sự suy thoái ngôn ngữ cũng chính là sự suy thoái lịch sử, khi không có những tiếng nói mới mẻ cất lên thì chỉ còn tiếng nói thủ cựu toàn trị chiếm lĩnh diễn đàn lịch sử. Vì vậy, khi nói đến “đổi mới tư duy” thì cái đầu tiên đổi mới chính là ngôn ngữ.

4.3.1. Ngôn ngữ mảnh vỡ

Mảnh vỡ là thuật ngữ mà trong nội tại nó hàm chỉ sự hoài nghi về những lý thuyết lớn, nguyên khối và có tính toàn trị, áp đặt; sai khiến và buộc con người phải tuân theo nó một cách mù quáng; không cho phép cá nhân được quyền suy nghĩ, hiểu và diễn đạt theo cách của mình. Các nhà văn hậu hiện đại xem mỗi mảnh vỡ tự thân nó là phi trung tâm, biệt lập, luôn vận động để tương tác với các mảnh vỡ khác, nhưng không hướng đến một trung tâm nào và cũng không có ý kết hợp để tạo nên trung tâm. Cốt lõi của thuật ngữ mảnh vỡ nằm ở tính chất biểu đạt của ngôn ngữ. Trong văn bản của mình, các nhà văn hậu hiện đại sử dụng ngôn ngữ mảnh vỡ để diễn đạt. Việc chú trọng quá mức hình thức ngôn ngữ này nhằm thể hiện tư tưởng và mỹ học theo tinh thần hậu hiện đại.

Tiểu thuyết của Phạm Thị Hoài, Bảo Ninh, Tạ Duy Anh, Nguyễn Bình Phương, Nguyễn Việt Hà, Châu Diên, Phong Điệp, Bùi Anh Tấn, Lê Anh Hoài, Thuận, Đoàn Minh Phương... là xương sống cấu trúc diễn ngôn mảnh vỡ. Họ đã tìm thấy đặc tính chất liệu diễn đạt qua “ngôn ngữ mảnh vỡ”, để từ đó kiến tạo nên những tác phẩm nghệ thuật độc đáo, mới lạ, chưa từng có trước đó. Có thể nói, tư duy tiểu thuyết của các nhà văn theo xu hướng hậu hiện đại đã có chung một quan niệm về thực tại, đó là những cái chung nhất, toàn diện nhất và mang tính thống nhất mà con người nghĩ đến, bàn đến chỉ tồn tại ở dạng khái niệm. Còn cái đang tồn tại với con người, hiện hữu mà con người nhận biết được là cái cụ thể luôn trong trạng thái bất định, dưới dạng “mảnh vỡ”, nghĩa là một cách đặt định hiện tượng và sự vật trong nguyên trạng của chúng.

4.3.2. Ngôn ngữ giễu nhại

Bên cạnh ngôn ngữ mảnh vỡ, thì ngôn ngữ giễu nhại là một đặc thù của tiểu thuyết theo xu hướng hậu hiện đại những năm 1986 – 2010. Ngôn ngữ giễu nhại nằm trong phương thức giễu nhại của nghệ thuật hậu hiện đại, nó là yếu tố hiển thị trực tiếp trong văn bản và cũng trực tiếp chi phối các yếu tố khác... Ngôn ngữ giễu nhại cũng là chất liệu chính của phạm trù

“cái giễu nhại” của mỹ học hậu hiện đại, thay cho phạm trù “cái hài” của mỹ học truyền thống, mà hệ quy chiếu thẩm mỹ của nó không chú trọng vào sự gây cười có tính trào lộng, mà tập trung vào sự mỉa mai và tự mỉa mai.

Các nhà văn Phạm Thị Hoài, Tạ Duy Anh, Hồ Anh Thái, Nguyễn Việt Hà, Nguyễn Bình Phương, Đỗ Minh Tuấn, Mạc Can, Châu Diên, Phong Điệp, Thuận đã rất chú trọng trong việc sử dụng phương thức giễu nhại và đưa ngôn ngữ giễu nhại vào văn bản nghệ thuật. Thủ pháp giễu nhại mà các nhà văn thường dùng được bổ sung bằng lớp ngôn ngữ che đậy theo kiểu phương Tây, bên cạnh thiên hướng ngôn ngữ vạch trần truyền thống. Hai cái này bổ khuyết cho nhau, góp phần quan trọng tạo nên sự lạ hóa tiểu thuyết. Ngôn ngữ giễu nhại trong tiểu thuyết có những đặc điểm cơ bản: gắn với cảm quan nghệ thuật về thế giới và con người, trong tính hoài nghi và giải thiêng, diễn đạt về một thế giới đã trở nên phi đại; văn chương cũng là một đại tự sự, vì vậy đại tự sự văn chương cũng nằm trong diện bị giễu nhại; khi giễu nhại con người, đương nhiên là giễu nhại cả ngôn ngữ của nó, bao gồm ngôn ngữ cá nhân và ngôn ngữ cộng đồng.

Đôi mới ngôn ngữ là một quy luật phát triển mang tính nội tại của văn học, nó không chỉ để phù hợp với khung cảnh tư duy thời đại, để đáp ứng khả năng diễn đạt trước những cái mới đang phát sinh, mà quan trọng hơn, nó chính là sự đột phá để kiến tạo nên cái mới. Việc làm mới ngôn ngữ được tạo nên bởi hai nguồn chủ yếu: sáng tạo từ mới và bổ sung từ nước ngoài (từ ngoại lai).

KẾT LUẬN

1. Tiểu thuyết Việt Nam sau 1986 đã có sự phát triển mang tính đột biến, góp phần quyết định làm thay đổi diện mạo văn học dân tộc, xoá bỏ tính biệt lập văn hoá, đưa văn học có một vị thế nhất định trong khu vực và châu lục. Có được thành tựu đó, trước hết là do các nhà văn đã can đảm tự đổi mới, dám vượt qua những định kiến, những câu thúc, những áp đặt từ nhiều phía. Không thể chấp nhận mãi tính nhược tiểu của văn học nước nhà, những nhà văn như Nguyễn Huy Thiệp, Phạm Thị Hoài, Bảo Ninh, Tạ Duy Anh, Hồ Anh Thái, Nguyễn Bình Phương, Châu Diên, Thuận, Đoàn Minh Phượng, Mạc Can, Đặng Thân, Nguyễn Đình Tú, Phong Điệp... đã xem nghiệp văn chương là đầy gian khó và cũng đầy trách nhiệm, đã ráo riết đi tìm những lối viết mới, cách diễn đạt mới cho mình. Và họ đã thực sự thành công. Mặt khác, được xem như hệ lụy của tinh thần trên, sự thành công của các nhà văn Việt Nam được khơi nguồn từ việc học tập các tri thức và kinh nghiệm sáng tạo từ các nhà văn lớn trên thế giới, các học thuyết khoa học về lịch sử, xã hội và con người mà trước đây vì nhiều lý do khác nhau, chúng ta đã không thừa nhận.

Sự khai mở của một khối lượng tri thức văn hoá khổng lồ đã được văn học Việt Nam tiếp nhận và tiếp biến, được xem là nguồn năng lượng mới. Trong nguồn năng lượng này, chủ nghĩa hậu hiện đại có một ảnh hưởng đáng kể nhất. Ở đề tài luận án của mình, chúng tôi cố gắng khảo sát sự vận động của tiểu thuyết Việt Nam dưới những tác động nhiều mặt của chủ nghĩa hậu hiện đại, từ cảm quan, tư duy, tâm thức đến phương thức sáng tạo nghệ thuật, những yếu tố căn bản gắn với quá trình tìm hiểu, học tập và sáng tạo của các nhà văn.

2. Quá trình đổi mới của văn học Việt Nam được tính chung vào cột mốc đổi mới của đất nước năm 1986. Nhưng trên thực tế, sự đổi mới văn học chỉ thực sự diễn ra sau những năm 90, khi hệ thống xã hội chủ nghĩa ở Châu Âu sụp đổ. Chỉ trong điều kiện này, các luồng tư tưởng, các chủ thuyết và khuynh hướng khoa học xã hội Phương Tây mới có cơ hội xâm nhập

vào Việt Nam. Đây được xem như sự “khuyh đảo” (từ của Hoài Thanh) hay “làn sóng thứ hai” diễn ra trong văn học Việt Nam. Trong sự ồ ạt của tri thức mới, chủ nghĩa hậu hiện đại từng bước đã làm thay đổi diện mạo văn học.

Mặc dầu vẫn còn một số người ngần ngại trước quá trình đổi mới nền văn học dân tộc theo hướng hậu hiện đại, nhưng đó cũng chỉ là những ý kiến nhất thời. Bởi vì, văn học hậu hiện đại Việt Nam đã là một thực tế, chứ không phải đang ở dạng tiềm năng. Tuy nhiên, về nhiều mặt, văn học Việt Nam vẫn còn có những bất cập trong việc chuyển hướng sáng tạo theo trào lưu hậu hiện đại. Thứ nhất, cơ sở hạ tầng của Việt Nam chưa hình thành “điều kiện hậu hiện đại”. Thứ hai, ở Việt Nam các quan điểm về toàn cầu hoá, triết học ngôn ngữ, chủ nghĩa hậu cấu trúc đa phần vẫn còn xa lạ với đời sống văn nghệ, chỉ nắm được từng phần chứ chưa hệ thống hoá, do còn thiếu hụt các nền tảng tiền đề tri thức lý luận. Mặc dù vậy, chúng ta cũng có những thuận lợi cơ bản. Thứ nhất, “tâm thức bản địa” ở Việt Nam gắn với quan niệm sự đồ võ niềm tin vào các đại tự sự. Thứ hai, quá trình tiếp nhận lý thuyết hậu hiện đại ở ta mới diễn ra trong một thời gian ngắn nhưng đã hình thành một tâm thức hậu hiện đại, gắn kết với tinh thần nhân loại. Trong hoàn cảnh toàn cầu hoá và hội nhập văn hoá, việc đứng ngoài dòng chảy nghệ thuật đương đại không chỉ là sự bảo thủ, lạc hậu mà bản thân ý định đó là không thể thực hiện được. Vấn đề cơ bản là hội nhập nhưng vẫn giữ được bản sắc dân tộc. Điều này, tiểu thuyết những năm qua đã thể hiện khá thành công.

3. Việc ứng dụng lý thuyết hậu hiện đại vào sáng tác đã tạo ra những thay đổi sâu sắc, toàn diện đến tiểu thuyết, cả trong tư tưởng và trong nghệ thuật. Sự chuyển đổi quan niệm nghệ thuật về tiểu thuyết và những biến đổi trong tâm thức sáng tạo của nhà văn là khởi đầu cho mọi sự thay đổi, từ nghệ thuật xây dựng nhân vật đến các kỹ thuật tự sự và sử dụng ngôn ngữ. Trong đó, nghệ thuật xây dựng nhân vật vẫn là vấn đề nền tảng. Dầu có những quan niệm và cách hiểu khác nhau về vấn đề nhân vật, nhưng nó bao giờ cũng là phạm trù trung tâm của sáng tạo văn học. Phạm trù nhân vật chi phối các mô thức truyện kể và sự vận hành truyện kể, chi phối các thủ pháp nghệ thuật, các kỹ năng xử lý kết cấu, điều phối thi pháp chức năng truyện kể. Phạm trù nhân vật nằm ở trung tâm của khái niệm liên văn bản và gợi mở ra những khả năng của nhận thức, chỉ có nó mới tạo nên điểm nhìn bên trong và bên ngoài, cục bộ và tổng thể, vừa là chủ thể mang tính ý hướng, vừa là đối tượng được ý hướng của toàn bộ hoạt động sáng tạo của con người. Ngay ngôn ngữ, một phạm trù tương đối độc lập với nhân vật và chỉ có mối quan hệ với nhân vật trong tương tác, quy chiếu và thông diễn, cũng chỉ là một bộ phận của nhân vật: nhân vật tạo nên ngôn ngữ và ngôn ngữ cấu trúc nên nhân vật. Không có cái gì nằm trong sự nhận biết của con người lại không lưu dấu sự tồn tại của con người. Tiểu thuyết hậu hiện đại vẫn là một phương thức nghệ thuật viết về con người, nhưng đặt nó trong cách hiểu mới, trong nhận thức mới và trong quan hệ mới. Những nhà nhân văn học từ hiện đại trở về trước đã làm nhiều hóa quan niệm về con người, biến nó thành một thực thể siêu hình, nằm trong những khung nhận thức thiếu tính tự nhiên. Con người trở thành một quy ước của ý thức và vô thức cộng đồng mà sự tích tụ áp lực đã từng bước đẩy nó đến chỗ nhận thức cực đoan về cuộc sống và về bản thân. Văn học hậu hiện đại mong muốn đặt định con người đúng với nghĩa của nó, được tạo ra từ hư vô và trở về với hư vô, nhưng trước khi trở thành hư vô, con người phải có một khoảng thời gian đối diện với hỗn độn, sống với những hoài niệm, sống khắc khoải và bị dày vò, như những “lá cỏ” (Walt Whitman) và vẫn cố gắng vùng lên để tồn tại và hy vọng. Như vậy, con người trong văn học hậu hiện đại được trình bày bởi cảm quan “hỗn độn – hư vô”. Nhìn bên ngoài, thì đây là một phản xạ nhận thức tiêu cực. Nhưng cần có sự phân biệt, rằng sự tiêu cực này không phải là tiêu cực trong nghệ thuật, mà tiêu cực do cuộc sống tạo ra, một cuộc sống bị phá vỡ sự cân bằng tự nhiên bởi công nghệ

điện tử, công nghệ sinh học và bởi các “đại tự sự”, một cuộc sống thiếu sự tự do nhận thức và bị câu thúc bởi những định kiến. Sự khủng hoảng nhận thức này dẫn tới sự đổ vỡ niềm tin đối với con người thời hậu hiện đại, nhưng nó không dẫn con người tới chỗ tuyệt vọng. Trước khi chết con người cần phải sống, và để sống, con người, một mặt, phải biết chấp nhận đương đầu với thực tại, mặt khác, con người phải biết tự điều tiết để tạo được sự cân bằng duy trì sự sống. Tiểu thuyết của Phạm Thị Hoài, Bảo Ninh, Tạ Duy Anh, Hồ Anh Thái, Nguyễn Bình Phương, Nguyễn Việt Hà, Châu Diên, Nguyễn Đình Tú, Thuận, Đoàn Minh Phượng... đã diễn giải về những điều này trong một tinh thần dân chủ và nhân văn nhất. Phải tiếp nhận tiểu thuyết hậu hiện đại trong “hoàn cảnh” của nó mới thấy được chân giá trị mà nó đem lại cho người đọc.

4. Tìm hiểu và nghiên cứu tiểu thuyết theo xu hướng hậu hiện đại Việt Nam vẫn còn có rất nhiều vấn đề để tường giải. Theo tinh thần hậu hiện đại và giải cấu trúc, phải lật lại tất cả các vấn đề, các khái niệm, phải truy nguyên đến tận cùng bản chất của sự vật và hiện tượng mới hạn chế được và tránh được những sai lầm và ngộ nhận. Trong đó có sai lầm và ngộ nhận của giới hạn nhận thức về văn học. Bởi vì, hậu hiện đại là phê phán và đề xuất mang tính dân chủ, tiểu thuyết hậu hiện đại là diễn ngôn chứa đựng tính phản biện triệt để và ý hướng về sự thật. Vì vậy, nghệ thuật hậu hiện đại chưa có thể nói là hay nhất, nhưng chắc chắn là nó gần nhất và cần nhất đối với con người đương đại. Tiếp nhận tiểu thuyết hậu hiện đại sẽ giúp con người tỉnh táo hơn trong sự nhận biết, có tri thức hơn cho sự đối diện với cuộc đời vốn dĩ ngày càng trở nên phức tạp hơn và khắc nghiệt hơn.

Thực tiễn sáng tạo cho thấy, tiểu thuyết theo khuynh hướng hậu hiện đại Việt Nam đã khẳng định được tính nghệ thuật dân tộc trong dòng chảy hậu hiện đại. Hơn bất cứ một lý thuyết nào, chủ nghĩa hậu hiện đại sẽ góp phần tích cực thủ tiêu tâm lý “chiếu dưới” ở văn chương Việt Nam. Bởi vì, nó tạo cho nhà văn bản mệnh xây dựng và sáng tạo dựa trên chính khả năng của mình, mà trước hết là khả năng đả phá các “đại tự sự”, các chủ thuyết phát ra từ “các trung tâm lớn”, sau đó là khả năng tự do sáng tạo, tự do thể nghiệm để đạt tới ngưỡng mà cá nhân nhà văn khả thể. Sự kiến tạo nghệ thuật tiểu thuyết những năm qua vừa tạo nền tảng, vừa chứng minh tính khả năng cho tương lai phát triển của tiểu thuyết Việt Nam.

DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH KHOA HỌC CỦA TÁC GIẢ CÓ LIÊN QUAN ĐẾN LUẬN ÁN

Bài báo:

1. Nguyễn Hồng Dũng & Phan Tuấn Anh (2011), *Quan niệm về chủ nghĩa hậu hiện đại trong nghiên cứu văn học Việt Nam*, Tạp chí Khoa học, Đại học Huế, tập 66,3, tr. 5-17.
2. Nguyễn Hồng Dũng (2012), *Thơ trong truyện ngắn Nguyễn Huy Thiệp, ranh giới và sự xâm nhập thể loại, hiệu ứng thẩm mỹ*, Tạp chí Khoa học, Đại học Huế, tập 72A, 3, tr. 55-62.
3. Nguyễn Hồng Dũng (2013), *Triết học ngôn ngữ trong nghiên cứu văn học hậu hiện đại, Ngữ học toàn quốc 2013 – Diễn đàn học tập và nghiên cứu*, Hội ngôn ngữ học Việt Nam xuất bản, tr. 845-652.
4. Nguyễn Hồng Dũng (2014), *Quá trình tiếp nhận các công trình nghiên cứu chủ nghĩa hậu hiện đại ở Việt Nam*, Tạp chí Khoa học và Công nghệ, tập 2, tr. 15-26.
5. Nguyễn Hồng Dũng (2016), *Tâm thức hậu hiện đại trong tiểu thuyết Việt Nam 1986 – 2010*, Tạp chí Nghiên cứu Văn học, 3, tr. 65-73.

Đề tài:

1. Nguyễn Hồng Dũng (chủ trì) (2008), *Lịch sử tiếp nhận văn học Mỹ ở Việt Nam*, Đề tài NCKH cấp Bộ, mã số B2006-DHH01-10.
2. Nguyễn Hồng Dũng (2012) (chủ trì), (Phan Tuấn Anh nghiên cứu chính), *Chủ nghĩa hậu hiện đại và ảnh hưởng của nó đối với văn học Việt Nam*, Đề tài NCKH cấp Đại học Huế.
3. Nguyễn Thành, Hồ Thế Hà, Nguyễn Hồng Dũng (chủ biên) (2013), *Văn học hậu hiện đại – Diễn giải và tiếp nhận*, Nxb Văn học.
4. Hồ Thế Hà (2012) (chủ trì) (Nguyễn Hồng Dũng nghiên cứu chính), *Tiếp nhận Phân tâm học ở Việt Nam*, Đề tài do Quỹ phát triển khoa học và công nghệ Quốc gia Nafosted tài trợ.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

PHỤ LỤC

Phụ lục 01. Lịch sử tên gọi “chủ nghĩa hậu hiện đại”

Phụ lục 02. Những khái niệm triết – mỹ và thủ pháp nghệ thuật của văn học hậu hiện đại

INTRODUCTION

1. Topic choice reason

During the late 20th century's decades, there was one definition which did not reach the consensus of its semantic content yet but it was used and discussed most often. It was the definition of postmodernism. The postmodernism almost became the spirit of the new age, which was called "postmodern age" or "postmodern era". The postmodernism was regarded as a philosophy topic, also a social movement that was applied in all sectors of economics, politics, culture, art, education, and religion, etc... In literature, a system of postmodern theory has been built to make research into works, to act as selective criteria, also to elaborate the awareness of postmodern literature spirit. Therefore, the so-called postmodernism is to mention the movement which is creating a new model of thought. This is to replace the modern model which is no longer appropriate even in economics, politics and spiritual culture.

In Vietnam, postmodern theory is getting more interested to applied into literature life within ranges from researchers and artists' works. Actually, during last years, postmodernism has been proved to be scientific, objective and true.

The application of postmodern theory into research has seen transformations both in content and form. Its spirit has been reflected in fiction, which is a turning point for this kind of literature work. Those works of novelists Phạm Thị Hoài, Bảo Ninh, Tạ Duy Anh, Khương Việt Hà, Nguyễn Việt Hà, Hồ Anh Thái, Nguyễn Bình Phương, Nguyễn Đình Tú, Đặng Thân, Châu Diên, Thuận, Đoàn Minh Phượng, Phong Điệp, Nguyễn Ngọc Tư... are socially recognized. It is obviously confirmed in the class of writing artists that they must change the way of writing to attract readers. Basically, fiction can achieve thanks to obtaining experience of postmodern writing from Vietnamese writers in a creative way.

This is the main reason for our choice of the topic "The impact of postmodernism on Vietnamese fiction from 1986 to 2010", so as to verify true values of fiction in postmodern trend. With references of fellow colleagues, we would like to have an overview of the establishment and gradual development of fiction in this form.

2. Research target and scope

2.1. Research target: This dissertation focuses on Vietnamese fiction from 1986 to 2010, but with more inclination to postmodern characteristics.

2.2. Research scope: The impact of postmodernism on Vietnamese fiction from 1986 to 2010.

3. Research methodology:

We combine main methodologies:

- Historical-Formative methodology: to survey the formation and movement of postmodern theory, characteristics and perspectives of researchers in philosophy, culture, literature and arts.

- Structural-Systematical methodology: to systematically study philosophical trends such as phenomenology, structuralism. Vietnamese postmodern fiction were also research under this methodology.

- Historical-Cultural methodology: to survey the procedure of postmodernism (under philosophical, socio-economic, art-culture conditions), to study characteristics of history, culture, ethnic literature in Vietnamese postmodern trending fiction.

- Comparing-benchmarking methodology: to study similarity and difference in thinkings of arts of postmodernism novelists.

4. Scientific significance of the dissertation

This dissertation displays main issues of Vietnamese fiction from 1986 to 2010, the trending development of postmodernism-connected fiction, basic knowledge to have an overall picture of Vietnamese fiction during these years.

This dissertation is considered one of the first systematical one to study the impact of postmodernism on Vietnamese contemporary fiction, together with its positive effects and drawbacks.

The result of this dissertation would be a conducive source of reference for the study and research into postmodernism and postmodern literature.

5. Structure of the dissertation

Together with the Introduction, Conclusion, References and Appendice, the main content is developed in four chapters:

Chapter 1. Overview

Chapter 2. Postmodernism in Vietnamese literature from 1986 to 2010

Chapter 3. Postmodern logic in Vietnamese fiction from 1986 to 2010 –from perspectives of arts, creation and character world.

Chapter 4. Postmodern logic in Vietnamese fiction from 1986 to 2010 – from the perspective of demonstration.

Chapter 1 OVERVIEW

1.1. Works compiled and translated from international documents

From 1975s to late 20th century, there were limited activities of translation, introduction and publication of social-humanitarian of western works in Vietnam. The controversy of Nguyen Huy Thiep's short story is a sad proof. The contrast in the controversy revealed the backwardness of literature logic at mentioned time.

In the controversy of Nguyen Huy Thiep, there was one noticeable writing: "Why I translated Nguyen Huy Thiep's short story" by Greg Lockhart, published in the Literature Magazine, No. 4 (July-August), 1989. This article is a prompt response in a high suggestive manner. However, it did not get proper attention, especially in terms of terminology. Lockhart raised the question: "What is the new ingredient as for Nguyen Huy Thiep's?" and explained: "And in Vietnam, we have Nguyen Huy Thiep's short story. This is methods of life demonstration in the world at the end of the century. Therefore, this is the literature phenomenon called as "postmodernism" [p.113,114].

After Lockhart article, not until 1991 that there was one piece of translation of postmodern literature "Insights into the so-called postmodern fiction" by A.Blach, Literature Magazine, No.5. This article primarily suggested an understanding of some basic characteristics of postmodern literature and fiction, such as "complicated and unilateral", "clear the boundary between spaces of art and technique, consciousness and unconsciousness, reality and devil"...After this article by A.Blach, there was once again an interval. And 6 years later, in 1997, in Literature Magazine, No.5, there was an article "About postmodernism" by J.Verhaar. According to Verhaar, the notion of postmodernism existence is connected with "irony" and "trend of freedom" [p.361]. In 1998, in Foreign Literature Magazine, No.6, there was an article of "Limitations of author category" by V.Marcok, stating characteristics of author category in postmodernism.

It has been since 2000 onward that postmodernism received substantial concern, and introduced for study in Vietnam. In 2000, in Poetry Magazine, No. Spring (published in the US in Vietnamese), there was the abstract of "Postmodern literature theory" by Niall Lucy. This is a substantially academic work, which gave thorough explanation some basic insights into postmodern literature: definition, distinguishing art from science, reality, literature from game theory...

In 2003, there was the work "*Definitions and terminologies of literature research schools in West-Europe and the US in 20th century*" written by I.P.Ilin và E.A.Tzurganova, published by Hanoi National University. As for the part of "postmodernism", the author (I.P.Ilin) stated and analyzed in an elaborate way the definitions of philosophy-aesthetics and some main artistic modes of postmodern literature. Also in 2003, the Writer Association published the 2 volume book set of the world postmodern literature. Volume 1: The world postmodern literature-Theoretical issues (compiled by Lại Nguyên Ân, Đoàn Tử Huyền), volume 2 The world postmodern short stories (selected by Lê Huy Bắc). At the time, this set was the most systematical and biggest work of postmodern literature in Vietnam, both in terms of theory and artistic idea.

In 2004, the Education Publishing House issued the “The criticism and logic of British-the US literature”, 3 volumes, compiled by Lê Huy Bắc. Some authors of postmodern age were mentioned. In the same year, the famous work by U.Eco “Finding the smiling truth”, published by Writer Association, was introduced to Vietnamese readers. Some of the postmodern ones are *P.S for the name of the bunch of roses*, *The renovation and the repetition: between modern and postmodern aesthetics*. U.Eco created a tilted look over the world contemporary literature. Besides, postmodernism-related books introduced in this year were *The high-and-mighty of methodology*, compiled by Đỗ Lai Thúy, with *Poststructuralism* of T.Eagleton and *Literature history as provocation against literature science* by H.R.Jauss (Translated by Trương Đăng Dung).

In 2005, Hanoi University of Pedagogy published *Fictions of Robbe – Grillet* by Bruce Morrissette. Fiction art of Robbe – Grillet is the unique renovation with characteristics of postmodern writing technique.

In 2006, Đỗ Lai Thúy compiled and introduced *Following giants’ footprints-New Gulliver’s Travels*, Information & Culture Publishing House. There were two parts relating to postmodern: *Analyzing culture under the postmodern theory* by S.Seidman and *Postmodern and poststructural criticisms* by B.Fuller. As in the same year, Pedagogy University published *The nature of literature theory and common sense* by A.Compagnon. In one of its parts, the author discussed the postmodern theory, through excerpts or analysis of postmodern researchers.

In 2007, *In Logic-Criticism of the world literature in 20th century*, 2 volumes, Lộc Phương Thủy introduced postmodern literature theory and poststructural school brought in the 2nd volume. In the same year, in *Literature research magazine*, there were 3 noticeable articles of postmodern literature: *Hot events in criticizing Chinese literature 2006* by Cát Hồng Bình – Tống Hồng Lĩnh, no. 7; *Looking for oneself and awareness of the significance of networking literature* by Âu Dương Hữu Quyền, no. 10.

In 2008, *Postmodern context* by J. Lyotard, Knowledge Publishing House issued, introduced to Vietnamese readers. The research work of Lyotard establish the theory of postmodernism, creating conditions for Vietnamese researchers to understand his theories.

As for art and literature, Lyotard theory opened issues of thinking and aesthetics awareness of a new age on reflections of criteria built by modern philosophy. On that basis, literature theory set a series of definitions of basis philosophy-aesthetics, regarded as characteristics only available in postmodern literature. In this year, there was the article *Postmodern politics fiction* by Stephen Baker, published in *Literature research magazine*, no.5.

From 2009s to 2013, many works were of culture, postmodern art and literature introduced in Vietnam: *Trending in the next decade 2011* by R.Laermer, published by Saigon Culture. *Postmodern prosody* by L.Petrescu, Pedagogy University Publishing House was a precious reference, nurturing knowledge of postmodern literature for Vietnamese literature researchers.

International works of postmodernism provide an essential source of information, on that basis, there comes the overall picture of the world contemporary literature. Facing the world literature, we can compare and be aware of the backwardness of thinkings, and the monotonous status of Vietnam’s art. This is the first motivation for

change. These works equipped basic knowledge so that Vietnamese researchers can build postmodern literature theory and make its applications into literature research and criticisms. As for the creative artists, the study of postmodern insights is an essential demand to acquire in-depth and at-width understanding to create new values.

1.2. Local research and criticism work

Studying the history of “postmodern” in Vietnam must take into account its appearance and its content. The “postmodern” can only show up in texts in the late 20th century. However, we would like to broaden our reference to pre-1975, in the south of Vietnam, in a closer social condition than the western, many researchers approached primarily postmodern though they did not fully define this notion. g trình của họ chưa gọi đây đủ khái niệm này. In 1969, in Thinking magazine, no. 6 of Van Hanh Institution, there was the article of Phạm Công Thiện, *The failure of structuralism-Criticism, Levi – Strauss and Jacques Derrida*, analyzed the limitations of the structuralism, also the article by Tuệ Sĩ *Language structure of Michel Foucault*.

In Vietnam, “postmodern” was firstly mentioned in literature study in *From texts to literature work and aesthetics value* of Trương Đăng Dung, Literature Magazine, no.11, 1995. In the writing, the author pointed out new understandings in the reasoning, also mentioned the postmodern terminology in explanations. Furthermore, the definition of “postmodern” was mentioned in *Art and culture of the 20th century, phenomena-movements-typical character in the last 100 years*, compiled by Nguyễn Nam và Lê Huy Khánh (Literature Publisher, 1999). Since 2000, the definition of “postmodern” has been widely used, interested by researchers, which was also controversial in terms of different ideas, perspectives...In this year, Phương Lựu issued the Studying postmodernism, Writer Magazine, no.8, regarded as the starting point for the research, criticism of postmodern literature in Vietnam.

In 2001, Phùng Văn Tửu issued the French fiction on the threshold of the 21st century (Hochiminh city publisher), addressing the achievements of famous postmodern authors of French literature like Robbe – Grillet, Le Clezio... In September, 2001, in Literature Magazine, Nguyễn Văn Dân had the Postmodernism or the situation of overlapping definition. This article was written with many proofs, discussions of postmodernism. However, the author suggested that postmodern was just an “empty” notion, and unreal.

In 2003, the Writer Association and Center for East West Language and culture issued the World postmodern literature. Volume 1, World postmodern literature: issues of theory with 7 articles by Vietnamese authors, 3 by local researchers and 4 by overseas Vietnamese researchers.

In 2004, the work of *Works of literature as the procedure* by Trương Đăng Dung published by Social Science Publishing House, 3 parts, set by the author in a procedure to study and describe: literature from modern to postmodern. *Narrativism-some theory issues*, part 1, published by Pedagogy University. In this work, there were *Types of postmodern short stories* by Lê Huy Bắc; *Renew language and intonation-a noticeable success of post1975 prose* by Nguyễn Thị Bình; *Technique of the stream of sense through war sadness* by Nguyễn Đăng Điệp; *Narrative structure of Nguyễn Huy Thiệp's short stories* by Nguyễn Văn Tùng; *Narration in The chances of God-Renewal and Limitations* by Trần Văn Toàn... gave a clear explanation of renovation of fiction in the postmodern spirit.

In 2005, Literature Research Magazine, No.8, issued *The notion of reality and human in postmodern literature* by Đào Tuấn Anh. This work focused on two issues of reality and human in ranges of definition in postmodern literature. In this publication, there was *Postmodernism in India* by Phạm Phương Chi, outlining some main features of postmodern literature. In this year, Lê Huy Bắc published the *Stories-Logic-Authors and Works* (2 volumes), Education Publishing House. In parts of *Postmodern short stories, Satirical short stories, Extremism and Raymond Carver*, the author made it clear in the insights of the postmodern literature.

In 2007 was considered the year of the most numerous researched works of postmodern, compared to years ahead. In Literature Magazine, no. 12, which is regarded as specification one on postmodern literature, with *The new history, one transformation in postmodern literature* by Phương Lựu; *Milestones of postmodernism in Chinese contemporary literature* by Trần Quỳnh Hương; *The signals of postmodernism in Vietnamese literature through writing* by Nguyễn Huy Thiệp và Phạm Thị Hoài by Lã Nguyên; *Postmodern factors in Vietnamese prose in comparison with Russian prose* by Đào Tuấn Anh; *History in Nguyễn Huy Thiệp short stories and the traces of postmodern prosody system* by Cao Kim Lan. The authors considered objectively the definition of postmodern and showed that it is an “aesthetics-quality” for a literature trend, which has witnessed it pioneers as Nguyễn Huy Thiệp and Phạm Thị Hoài. In the same year, the set of Literature terminology dictionary of Trần Đình Sử, Lê Bá Hán, Nguyễn Khắc Phi, Education Publishing House, enlisted the term of postmodern, considering it the official terminology of literature.

In 2008, in the Literature Reasoning (3 volumes) of Phương Lựu, Pedagogy University published, took the postmodern into the 3rd volume (Literature process). This was regarded as a creation trend of the world contemporary literature. At the same time Phương Lựu published the *Pioneers of postmodern thinkings* in Literature Magazine, no.5, analyzed contributions made by J. Lacan from the angle of structural psychoanalysis and M.Foucault from the angle of historical unconsciousness. Then, *Narratism some issues of reasoning and history*, part 2, Pedagogy University published, introduced to readers some writings of postmodern literature, such as *The narration of “fraud switch” narrating subjects in postmodern fiction* by Trần Huyền Sâm; *Poetry logic in Vietnamese contemporary fiction* by Nguyễn Thị Bình. In the same year, there was the *Making the dialogue with the new* by Inrasara. From the viewpoint of a critic and a postmodern poet, the author discussed and brought about objective perspectives to protect the postmodern literature trend, with the hope to make sensible changes to Vietnamese literature.

In 2009, the Information Culture Publishing House issued the criticism set of Contemporary Fiction by Bùi Việt Thắng. In the book, the author mentioned some writers of postmodern literature trend such as Nguyễn Huy Thiệp, Bảo Ninh, Tạ Duy Anh, Đoàn Minh Phượng.

In 2010, Phùng Văn Tửu issued the specification writing *Fiction on the way of revitalization*, Knowledge Publishing House. The survey and research scope are quite wide, and the interesting thing about this book is that, after many years of concern, now he is using the term of postmodern to explain the movement of fiction and some authors of postmodern type. In 2011, Phương Lựu issued the work of Postmodern literature theory, Pedagogy University published. This is the first fulfil theoretical work

of postmodern literature by a Vietnamese scholar. In the same year, Đỗ Lai Thúy issued the *Literature criticism, that amphibian (The thinking of Vietnamese literature criticism, a historical glimpse)*, the Writer Association published. In part 12, Literature criticism from postmodern viewpoint, he analyzed objectively the Vietnamese contemporary literature, showcase the right way of understanding postmodern, postmodern literature (Vietnam and the world). In 2012, there was the *Postmodern literature-theory and reception* by Lê Huy Bắc, Pedagogy University Publishing House. The author defined, postmodern literature was not a rigid like in realism, but it is an open theory. It brings freedom in the way readers can obtain, on the basis of democratic dialogue.

In 2013 could be considered the heyday of postmodern research work in Vietnam. First of all, it was the *Postmodern Literature-Explanation and Reception* by Nguyễn Thành, Hồ Thế Hà, Nguyễn Hồng Dũng, Literature Publishing House. The book was the result of the National Science Conference organized by Linguistics Department, Hue College of Sciences in March, 2011. Then, the *Postmodern literature-theory and reality* by Lê Huy Bắc, Lê Nguyên Căn, Đỗ Hải Phong, selected from the National Science Conference organized by Linguistics Department, Hanoi University of Pedagogy in 2013. In this year, Lê Huy Bắc continued to be the chief author of *Postmodern literature criticism*, Knowledge Publisher. Besides, there was the *Postmodern literature theory (Reception & Application)*, Hong Duc University, published by Vinh University, with *Postmodern literature like a super language* by Lê Huy Bắc; *Decentral – Definitions and Reception* by Nguyễn Thị Hạnh; *Inter-textuality and literature research in Vietnam* by Đặng Lưu; *Practise reading postmodern poem: Word shadow of Lê Đạt* by Lê Như Bình.

Postmodern literature in recent years was brought into the curriculum of undergraduate and graduate level. It is becoming the topic choice of many theses and dissertation, including direct study on Vietnamese postmodern prose like Phùng Gia Thế, Lê Văn Trung...

The study, research and application of postmodern theory into Vietnamese literature involve overseas Vietnameses, especially Nguyễn Hưng Quốc, Hoàng Ngọc Tuấn, Diễm Cơ (Thụy Khê), Nguyễn Ước...

Research works of postmodern criticism are updated a lot on the Internet. In local and international website, there are many documents can be used as reference. Many writing are of substance, suggestive and orienting, providing proper information for readers. These websites contributed actively to the dissemination of postmodern theory in Vietnam.

The characteristics of the reception process of postmodern theory, which is not linked with building the perspective system, are the existence of different or contrast understandings. This is obvious and explainable, because each receiving person has each different “expecting level”. On the other hand, the limitation and distance of typical artistic of indigenous culture do not match with all terms of origin where that theory was born. In the reception process of postmodern literature in Vietnam, it is popular that postmodern trend is considered as a social spiritual state, as a demonstration of literature rule. In the system of articles and research work in Vietnam in 1.2, it can be observed that the receiving viewpoint of renowned researchers reached

the consensus of postmodernism and postmodern literature. We do not exaggerate the role of postmodernism for culture development, national literature under current conditions. However, we have to admit that its objective impact on the artistic movement in recent time. No pain, no gain. We should appreciate the endeavour of artists, scientists of Vietnam in research and application in the last years to create new values. There were a lot of concern and hard work to create new cultural values which can not be evaluated as superior to previous ones for now, but they are certainly more sensible.

Chapter 2

OBTAINING POSTMODERNISM IN VIETNAMESE LITERATURE FROM 1986 TO 2010

2.1. About the postmodernism

2.1.1. Establishment conditions of postmodernism

Philosophical conditions

Postmodernism was originated from many different conditions, however, it should be understood that, its origin was philosophy. In terms of thinking, the basis of postmodernism comes from many areas, from the philosophy of language, philosophy of science, philosophy of feminism and philosophy of psychoanalysis.

Philosophy of Language: As the founder of lingual philosophy (together with B. Russell), L. Wittgenstein executed a turning point in the western philosophy in the 20th century. Without viewing philosophy issues under two basic categories of material and spirit, Wittgenstein viewed the world under lingual rules and charactersitics. In 1953, in the book of *Tracing philosophy*, he emphasized the multifunction of language, and brought about the definition of “lingual games”. This notion demonstrates all human awareness, although in the most objective way, as the display of lingual game. M.Heidegger, who was Wittgenstein’s fellow author, took credit for the establishment of modern hermeneutics, the influential subject over postmodern authors. The connection between the language nature with existence is taken into serious consideration as the research focus in modern philosophy study. In his opinion, we can not view the language under mere lingual functions. As underneath the formative system which is stable, there is always unexpected changes and the transformation under lingual structures.

While criticizing structuralism with formative language-related unchanged and metaphysical judgements, rigid perspective on the sensing process, poststructural authors have another different viewpoint over the language. Poststructural authors, especially like Derrida still considered texts as the center of the world, but texts are the “calling” texture, an open one. Poststructural authors regard language as the social networking means and tools of awareness. However, they criticize the abuse and imposition of language in a class order, converting language into sensible lies, and “degrading language”. Therefore, they consider “language criticism as the criticism of culture and civilization”. Through above-mentioned theoretical features of philosophy of language, we can notice the endeavours made by pioneers in this area. All surrounded opening up the boundary for different understandings of language, the interpretation from documents, the sense-making methods of the words. That basic background set the tone for the appearance of postmodernism.

In response to the demonstrative function of postmodern thinking, while its characteristics are in line with art-literature thinking, a derivative of poststruturalism is called deconstruction. Deconstruction was the criticism of literature. Its method was

originated from poststructural content. Also from this theory, there were derivatives of “Criticism of feminism”, “Criticism of ecology”, and “Criticism of postcolonialism”. The biggest author of deconstruction was J. Derrida. His main viewpoint was, in the texts, there is not any existence of an unchanged and concrete form. Texture is open under movement, including different components. It is always in the movement under situations, like a game. According to Derrida, the text analysis (based on deconstruction) must address the instability of the sense layers in the text, omitted meanings, hidden meanings, meanings dependent on the understanding of readers or readers’ generation.

Structural psychoanalysis: Alongside inherited factors from philosophy of language *Phân tâm học cấu trúc*, postmodernism thinking is built under the precedent of psychoanalysis. We would like to showcase the theory of J. Lacan, one of the structural psychoanalysis authors who were influential over the establishment of postmodern theory. J. Lacan suggested 2 main issues under new ways of understanding about social existence and artistic existence. At the first issue, the gender one, J. Lacan addressed that there always existed a precedent of “symbolic order”, based on relationships of consanguinity, gender and language, human (baby) must abide by this order at birth. However, in the order of gender, only men are the symbol of that power. And women are the force eliminated from the society. From Lacan’s perspectives, psychoanalysis female authors set up the theory of postmodern feminism, like the reaction to the male dominated world order.

At the second issue, with the famous saying: “Unconsciousness is structured as a language”, Lacan did not get the utmost recognition of the public. However, he made them reconsider new ways of understanding about neural structure, mentality and neural function explained by Freud. Based on Lacan’s suggestions, modern literature created writing technique: the stream of awareness, the co-appearance of space and time, multipersonality... Postmodern literature created techniques of: blurism, depersonalization, non-temporel linearity, ...

Stemming from interpretations of the theory and reality of poststructuralism/deconstruction, postmodern psychoanalysis, and postmodern literature research-criticism built definitions of basic philosophy-aesthetics which can capture the spirit of postmodern literature. From these basic definitions, a set of artistic modes is excerpted, forming the bidirectional relation between the theory and creation.

Binary language: One important issue of postmodern language, which is the product of postmodern language, is the programming language. From the peak of human movement, human being is living in the era of new culture: the postmodern culture. The unique feature of this culture is the popularization and interactivity which are calculated by seconds, which is created by electronic technology and telecommunication. The key of this technology is the programming language, which is called “binary language” with two characters of 0 and 1.

Binary language sets the tone for the new era of fiction. The fluent usage of this language helps us to get full access to typical aesthetic grounds of postmodern literature. Because binary language in current literature life has unceasing probability of creation, first and foremost in the new texture form, with the relationship among writer-texts-readers; then, it showcases the uniqueness of artistic thinking with the age of “keyboard writer” (the term was firstly used by Lê Huy Bắc).

Philosophy of science and new theories of nature: Postmodernism thinking is formed on two grounds. If the philosophy of language provides a new method to approach spiritual values (from the language), then the philosophy of science supplies the new awareness of reality and nature. Therefore, in *Postmodern context*, beside the big hallmark of Wittgenstein, Lyotard bore the deep effect of Th. Kuhn, “one of the biggest philosophers of Philosophy of science in the 20th century”. According to Trần Quang Thái in *Postmodernism*, postmodernism thinking was deployed in the context that sciences witnessed influential inventions, enclosed with new notions and theories of science. Some new theories are Theory of relativity, Theory of quantum mechanism, Theorem of incompleteness, Theory of calamity, Theory of chaos, Theory of complexity, Cybernetics, Fractal Geometry...

In general, if the philosophy of language formed a democratic look over “others”, “random” in the postmodern context, the philosophy of science introduced to the audience of postmodernism the overview of reality with instability, chaos and relativity, which have been verified.

Socio-economic condition

After the two world wars, the world economy gradually recovers and develops at a swift pace, with the main focus on developed countries. This “created the mass consumption lifestyle...in a broader scope, a consumer society”. A postindustrial society is formed and dominated by technology-driven civilization. The global capitalism is gradually turned into “the late capitalism” (Ernest Mandel’s term).

In terms of society, postmodernism is established in the “dominance” of consumer capitalism which dominates and manipulates all aspects of contemporary society. This leads to instability which is regarded as a threat not only for the society but also for every single household. This makes human viewpoint and awareness simplified and dependent, short of problem-solving capacity.

Artistic and cultural condition

In general, in terms of culture, postmodernism showed up in the situation that traditional art gets overwhelmingly dominated by consumptionism. Consumptionism elevated the monetary values of works of art to an extremely high level. Therefore, the “hyper – reality” created by marketing industry leads to an art world where the “copy” and the “relic” are set higher than artistic value, once the value of the master one is decided by the quantity of sold copies. The society is ruled by mass and media channel. Human being gets more and more dependent on the relation between oneself and virtual values, not their own value. Therefore, deep down, people get lonelier, with clear feeling of facing with nihilism.

2.1.2. Viewpoints of postmodernism

The definition of postmodernism is an open one. In fact, there have been numerous viewpoints of postmodernism due to many reasons. Firstly, postmodernism is not simply a movement in a range of some area. Each sector has different notion relating to postmodernism, which can adapt to its content and movement. Secondly, the nature of postmodernism is to delocalize, deregularize theoretical modes of narrativism. Therefore, postmodern theory heightens the theory of chaos, instability and decentralization. Postmodern aesthetics also aims at de-aestheticization.

In terms of philosophy: J.F.Lyotard in *Postmodern context* (1979) took postmodern as the attempt to fight against “narrativism” of rationalism in the age of the

founders along with its legacy. H.Foster divided postmodernism into two types. One type is the new conservatism (humanitarianism) and the other is the poststructuralism. However, both types are inclined to destroy or desubjectify (1984). F.Jameson stated that the “subject degradation” in postmodernism is replaced by “the subject fragment”. Furthermore, it is the “splitting fragmentation” (1983-1984). According to the *Philosophy Dictionary A journey with philosophy* by Ted Honderich (Information-Culture Publishing House, 2002), postmodern is “family similarity” which is developed in the wide variety of contexts, for related things (if any), with the diversity of common style and a vague wish of performing with intentions of a critically modern culture” [p.822] ...

In terms of history:

J.Baudrillard considered postmodern the “time, when human being reaches the ultimatum of history”. It is the world of simulations and only simulations, in which human being cannot tell the reality from simulation (1983). Ch.Jencks named postmodern “the age of unceasing choice. It is the age without any fundamentalism that can be received...., is the eclectic chaos between any tradition with recent things”. G.Lipovetsky suggests that postmodern is “the return to human origin”...

In terms of culture:

L.Fiedler stated that postmodern only heightens new counter-culture of counter-physical characteristics (1965). Lyotard considered postmodern age as the one when the fate of knowledge was reliant on mass media (1979). U.Eco took postmodern as the “ironic reconsideration of addressed idea in an age in which the innocence was lost” (1983). Baudrillard regarded postmodern culture as the world of “counterfeit” (1995). A.E.Chuchin-Rusov stated that postmodern culture is the environment which can make people feel “floating freedom in the 4th side of culture”, being unaware of all limitations of time and boundary” (1999). M.Epstein regarded postmodern culture as the result of “hyper” in all areas, creating a speudo. J.Collin felt the postmodern culture from the combining angles of public culture and local culture. M.Featherstone evaluated postmodern culture as the aestheticized culture of consumption. D.Kellner and S.Best judged postmodern culture as technoculture...

In terms of arts (architecture, painting):

R.Veturi suggested new method in architecture: “Less, which means boredom”. Postmodern architecture, in his opinion, was the “diversity, weirdness, irony and nervousness of the world they possess and try to showcase”. Jenks considered the postmodern architecture as the new hybrid movement, “the blend of various styles”. D.Kolb regarded postmodern architecture as the art of high satirical level. Therefore, a judgemental attitude is necessary. Ch.Masters considered the postmodern architecture and plastic arts as the combination of modern formative ingredient with past and eclectic styles. N.Pevsner evaluated postmodern architecture as the counter-physical architecture style. In painting, according to *Microsoft Encara 99*, postmodern aesthetic is viewed as “new manifestation” ...

Postmodern viewpoints of literature

Postmodern literature theory is the focus of many viewpoints, accomplishments, and also the set of most complicated thinkings of postmodern. L.Hutcheon considered postmodern as “tendency in the art where satirical form is used to display”. According to B. Smith, postmodern aesthetic is the reaction against the aesthetic viewpoint of the art for art’s sake, completely against the abstractness of modern aesthetic (1945). I.Hassan

suggested that postmodernism is “the late postmodernism, counter-physical, instability, chaos, but integrated” (1971). J.F.Lyotard regarded the postmodern in art as the part of postmodern history, in the history of “pioneering movement” against the modernity of rationalism. According to him, postmodern refused the manifestation in philosophical meaning (1979).

In 1990, K. Wales brought the part of “postmodernism” into his *Dictionary of Stylistics*, defining the notion of “postmodern”, “displayed in 1960s to describe a tendency of literature at the time. In 1996, T. Eagleton in *Literature logic* stated that: “The most typical postmodern work is casual, subject to changes, just like a simulation” [p. 31, Lê Huy Bắc]. Another essential factor to format postmodern literature is the localization author scope of the target. B.Lewis, in *Postmodernism* enlisted almost all prevalent authors of postmodern literature.

Those above-mentioned theories are of typical ones demonstrating the nature of postmodernism in literature. The terminology of “postmodern literature”, apart from its chronological meaning, is also the manifestation of rules over its artistic characteristics. Most of ideas emphasized characteristics of postmodern literature such as counter-physical, non-stability. Furthermore, postmodern literature used a series of definition, terminologies (some among which are considered artistic modes) in the writing method, like the perception of postmodern, super stories, author mask, satirical stories, double code, deselection, depersonalization, intertextuality...

2.2 The reception of postmodernism in Vietnamese literature

Postmodernism in Vietnamese literature just stops at the mixture of modern and postmodern factors, in which the postmodern ones keeps the dominant role.

The Vietnamese literature life now is heading to postmodern in two ways. The first one combines postmodern modes (satirical one, intertextuality, fragmentation....) and traditional ones. This one is connected with short stories and novels. The second trend is the complete renovation from the form to the content in the postmodern direction. This is connected with poems.

Accordingly, within 20 years, postmodern literature in Vietnam has seen prevalent accomplishments with the reception of theory, the application into writing. In the late 20th century and the early 21st century, postmodern literature has been a source of inspiration for researchers and authors.

2.2.1. The reception and application in research-criticism

In order to create an overview of new definitions of postmodern art, we would like to divide into main points, as follows:

The deaestheticization: In *Is that called arts?* by C. Feeland, a work regarded as “philosophy of artistic analysis”, we get familiar with the new look of artistic definition. According to him, to understand some types of postmodern art, we must build the notion of what art is. A work of art does not necessarily comply with beauty rule. He then concluded that a work which is the display of one significance and history of arts constitutes the history of viewpoints over the arts

The postcolonial nature: The international nature of postmodern art is based on the process of decentralization, declassification, which showcase the self-management in terms of culture in postcolonial lands in the overall picture of postmodern arts

Optical nature and digitization process: Postmodern art is connected with some main characteristics like: the popularization in life, the relativity with the one who receives.

In Vietnam, literature phenomenon from 1986s to early 21st century was decoded by critics. When systemizing their writings, we can see some distinguishing points of postmodernism they used to apply to approach and explain the textures.

The nationality and equality: as in the first course of industrialization, Vietnamese literature was under the effect of French literature. In the second one, Vietnamese literature is inclined to the world, and proactive in learning. In general, there is no other art trend which can attract such respect for its locality and characteristics as the theory of postmodern arts.

Feminism movement: This is to define the position of half of the human race, which was considered the “2nd level gender”. This is not only one of the criteria of postmodern literature, but also the basic content of the world postmodern literature.

Topic: Post-1975 literature had many revolutionary changes. Two pioneers were Nguyễn Huy Thiệp and Phạm Thị Hoài. Their contributions are the renovation of topic, and the intertextuality.

The method of artistic thinking: According to Lã Nguyên, both Nguyễn Huy Thiệp and Phạm Thị Hoài used the rule of puzzle for the artistic thinking.

The method of satirical demonstration: Works by Nguyễn Huy Thiệp and Phạm Thị Hoài were the satirical symbol.

Comparative Criticism: Vietnamese literature criticism reaches out to other literature of China, Russia, India, Pakistan...to benchmark Vietnamese literature.

Peripherality: Regarded as an important notion in explaining issues of postmodern literature, in connection with literature in life.

2.2.2. The reception and application in writing

Postmodern poem

This kind of poetry is inclined to be “peripheral”, mostly in the writings in the beginning phase, the satirical, the rule of poetry-must-be-funny, destroy the systematic nature of the language. We can see the strong manifestation, experiment of new techniques. Postmodern poem got notorious, leading to the harsh reaction in the society. However, there was recent positive turning point in contributions to arts.

Postmodern drama

We can notice postmodern signals in Lưu Quang Vũ drama. At the time of Lưu Quang Vũ, the postmodern definition did not reach Vietnam yet. However, he was the one to approach this type. Later on, author Nguyễn Huy Thiệp had some findings to revitalize drama into the postmodern tendency, with little success. In general, due to various reasons, drama is out of the threshold of “postmodern movement”.

Postmodern prose

Postmodern prose was regarded as the pioneering in renovation, and was the most accomplished. Postmodern short stories and novels, through ups and downs, now have found firm positions in Vietnamese literature.

Postmodernism changed the prose, especially the fiction both in quantity and quality. It was all in the works of Lê Lựu, Chu Lai, Ma Văn Kháng, Dương Hương, Nguyễn Minh Châu, Nguyễn Quang Thân, Võ Thị Hảo, Nguyễn Thị Thu Huệ...

These works were between the lines, on the way of literature transformation. Nguyễn Huy Thiệp, Phạm Thị Hoài, Bảo Ninh were considered the first writers approaching postmodernism in the way they wrote. Their works brought the new breath into Vietnamese literature, under the fact that this type was completely empty of awareness and reflection capacity. Then, the postmodern second generation is Tạ Duy Anh, Hồ Anh Thái, Nguyễn Bình Phương, Nguyễn Việt Hà, Đặng Thân, Mạc Can, Châu Diên, Lê Anh Hoài, Thuận, a little bit later, Nguyễn Đình Tú, Đoàn Minh Phương, Nguyễn Cao Sơn, Vũ Đình Giang, Phong Điệp, Nguyễn Ngọc Tư...

Chapter 3

Artistic postmodern thinking in Vietnamese literature from 1986 2010 – From the perspectives of art, writing and character world

3.1. Viewpoint of fiction art

3.1.1. Fiction with the viewpoint “literature game”

Renewal of Vietnamese fiction from 1986s to 2010 was connected with “literature game”: from the issues of unit, form of texture to viewpoint of the meaning and the correlation among the writer-the work-the reader. This creates the renewal movement in postmodern fiction.

In contemporary time, Phạm Thị Hoài was the first speaker of the literature-game through her work of *Literature is a game of no origin* (Art magazine, 17/02/1990), Angel (1988).

The calling of the game theory attracted many other authors such as Bảo Ninh, Tạ Duy Anh, Hồ Anh Thái, Nguyễn Bình Phương, Nguyễn Việt Hà, Châu Diên, Thuận, Đoàn Minh Phương, Đặng Thân, Nguyễn Đình Tú...

3.1.2. Fiction with the viewpoint of “desacralizing art”

In postmodern age, the “peak” of skepticism, crisis of awareness crisis brought contradictory issues compared to previous time, which is clearly demonstrated in the faith and the inner soul. This was rooted from tragic contrast of the epistemology history. On the one hand, human being attempted to achieve advancement on the ground of scientific knowledge, it is also believed this to be true for a very long time. On the other hand, there are forces stronger than faith in the advancement, which manipulated and monopolized the process of human history. In general, social history was the history of reciprocal usurpation and anti progressivism. In this situation, it was the push among probability, condition and reality to expose the mentioned. The zigzag development of the history proved one truth, the more elderly the society is, the less premonition people can have. They lost the general capability of acquiring and controlling the society, then, they got much far away from their objective. Furthermore, human being in postmodern age got tortured by a perceived feeling, which was the skepticism-pessimism of its existence. This perceived feeling was widespread in all awareness of human being.

The crisis in the epistemology of modern arts leads the to fact that modern writers try to find a “world model” which is supposed to be subjective, humanitarian but it is still somewhere out of the gravity. The epistemology crisis of postmodern arts views the world in the chaos and nothingness. Therefore, postmodern fiction keeps a half of the modern perceptible content (chaos) and changes the other half (harmony) with “nihility”.

The history was often led by instinct more than reason. In the postmodern perception, beyond the existence of human being is just the nihility, because its presence is nihility. Then, in postmodern fiction, writers set other art definitions of the existence, together with the fact that their writing methods differ from the way they wrote before. The spirit of desacralization went all the way through the novel written by Phạm Thị Hoài, Bảo Ninh, Hồ Anh Thái, Nguyễn Bình Phương, Tạ Duy Anh, Châu Diên, Thuận...

3.2. The creative consciousness of writers

3.2.1. The writers' creative consciousness and national essence

Major changes of postmodern world are connected with the postmodern status with two main issues: postmodern situation and postmodern consciousness. The postmodern consciousness is the inner feeling in human soul, in nations, continents. It can be different in its typical signals, but the mutual point is the connection with destiny: national destiny and individual destiny. Therefore, the consciousness always has the interference among nations, among people, without any single discrimination.

Postmodern consciousness with indigenosity and the national culture tradition.

Consciousness primarily is the spirit seen through national identity, connected with indigenosity and national tradition. Vietnamese literature from periods to periods has been linked to this. In its turn, postmodern literature has been in connection with it, creating the postmodern consciousness. In reality, while analyzing postmodern literature in Vietnam, researchers showed a lot of writers' signature characteristics, making contributions to the early postmodern look for Vietnamese literature. First of all, in the exploited topics in their works, writers used many historical material and folk material, but under new perception- the postmodern perception, with popular modes like satirical, desacralization, super fiction... On the other hand, postmodern literature is an international movement scattered equitably in developing countries, not only clustered in big western culture. Nguyễn Xuân Khánh's novel covered culture poles, "double code", and be inclined to Buddhism. The issues of Taoism, religion, the cracking of traditional life space... are main topics in novels written by Nguyễn Bình Phương, Nguyễn Đình Tú, Đỗ Minh Tuấn, Đoàn Minh Phương...

Postmodern consciousness with historical insinuation

According to some researchers, postmodern consciousness in Vietnam bears the colour of "post colonial" consciousness, especially in historical novel featuring Vietnam in colonial age. Postcolonial consciousness in Vietnam, though not popular, offers substantial and fresh overview which is postmodern over national history, especially the protective perception for "others", "small things", "indigenous thing" compared to the "colony" which plays the role of a narratism. As for Đào Tuấn Ảnh, postmodern consciousness in Vietnam is connected with the one of "postsocialism reality", a familiar one with "post Soviet" age. With Inrasara in *Postmodern Period 7* viewed *postmodern consciousness in Vietnam as the one linked with feminism right*.

In general, Vietnam-characterized postmodern consciousness has turned into postmodern modes in specific works of literature, written by writers who were considered as more or less the ones with the "substance" of postmodern. The core ground from which we can review is the postmodern consciousness. If above-mentioned modes in Vietnamese' works of literature can reach the relationship with that consciousness, that work can be the one of postmodern type, or the one with the postmodern prints. *In the fog* by Hồ Anh Thái was an artistical metaphor about the historical process verified through

times. In *Sit* by Nguyễn Bình Phương, the writer used time as the slice to format history, then Vietnamese spatial culture can reappear.

3.2.2. Writers' creative consciousness in reality

Postmodern novel has the tendency to reflect and warn people, society of theirs/its problems in the market economy, focusing on: the split in family and social relationship, the personality degradation. These works highlight the demonstration of the consciousness of the contemporary Vietnamese people and society, analyzing the rooted reasons from the consumption society, the viewpoint changes of value stairs. Postmodern novel criticized the type of psycho people and its extreme ego. This is the self-destruction type, in line with the destruction of culture, the destruction of ethics, and the destruction of survival conditions.

3.3. Character world in novel

3.3.1. Type of character

Character and deformations of the definitions of icon

Character world in postmodern novel is fragmentation created by the writer. Each form is a version of the complexity which is blended and mingled. They are the result of the writer's insinuation of an incomplete world.

In postmodern novel, the setup of "deep" characters and the probability of generalization (popular in traditional novel) is replaced with the "deformation", the primary form of the "counterfeit".

Defining type of character

In novels written by Phạm Thị Hoài, Bảo Ninh, Tạ Duy Anh, Hồ Anh Thái, Nguyễn Bình Phương, Nguyễn Việt Hà, Nguyễn Đình Tú, Thuận, Đoàn Minh Phượng..., character world is regarded as multidimensional images of the reality:

- Lonely, outcast character is connected with the perception of exile, even in their own home and beloved ones.
- Riotorous character is connected with the reaction to conditions and living contexts, but first and foremost is the reaction to traditional values.
- Evil character is the bad deformation of lust, unlimited passion, type of "animalization".
- Homosexual character, is the typical one in contemporary novel, linked with changes of living environment and gender viewpoints.
- Supernatural character is the complicated type of character in structural angle.

3.3.2. Changes of character definition

Researchers has pointed out deep insights of character field, defining changes in the character field in postmodern novel. However, the criticism does not cover the detailed explanation of "postmodern condition" in the art of building character. Then, we came up with conditions as follows: -study character in postmodern character must be in the range of the study of bourgeois thinking; - focus on the definition change of the relationship: of human life, of the universe, of the consciousness of human being; -use the language factor to interpret the bilateral interaction of individual-community.

The character world in novels written by Phạm Thị Hoài, Tạ Duy Anh, Hồ Anh Thái, Nguyễn Bình Phương, Châu Diên, Phong Điệp, Thuận, Bùi Anh Tuấn... are fragmentations of lives built by the writers. Each type is a version of the mingled and blended complexity.

Chương 4

POSTMODERN ART THINKING IN VIETNAMESE NOVEL FROM 1986 TO 2010 – THROUGH THE METHOD OF MANIFESTATION

4.1. Diversify the form of telling stories and narration.

One of the remarkable points leading to the fame of this novel line, is the broadening of art creation, giving birth to “extraordinary thing”, not only to novel, but also to the art thinking.

4.1.1. Diversify the form of telling stories

Postmodern linguistic thinking set forth the new viewpoint on structure: structure of assumption and pre-assumption, a conditioning one in the imagination range by the writer, popped up in some situation or context. This constitute the starting plot for the telling story. From the definition of assumption or pre-assumption, the writer continues the story. Therefore, readers who support postmodern spirit are the ones who deconstructualize, or puzzles.

Typical novels are *Angle*, *War sadness*, *Looking for the character*, *Sit*, *In the fog*, *Chasing mice*, *The opportunity of God*, *Blogger*, *Version*, *Saint and butterfly*, *Parrallel*, *Paris August 11*, *Chinatown*, *And with the ashes*, *Rain in other life...* However, this division is just relative to define the form of the texts. Besides, the interference of structural forms in a work of literature is understandable.

4.1.2. Narration

The structure of the text is linked with the development of visual points from one or various sides, in the context of incomplete line, making it vague semantically.

Multifaceted narration

The writer used the technique of narrating combined with other subjects on the same issue.

The novels of *Looking for a character*, *The opportunity of God*, *The Me river inhabitants*, *Rain in other life...* is the constantly changing mode of art.

Alternative narration

In many novels, writers use in a successful way the alternative narration. This contributes a lot in demonstrating the perception of a world under reconstruction. Novels of *In the fog*, *The Buddha*, *Savitri and I*, *Sit*, *Chinatown*, *Missing*, *Van Vy* are successful examples of this type.

4.2. The structure of type fragmentation and combination.

Post-1986 novels has critically renovated in terms of structure, under the effect of postmodern perception, decentralization, deconstructualization...Renovated novels in the style of postmodern literature in those years all used the technique of fragmentation and combination as the leading type. This made a new face for novels.

4.2.1. The structure of fragmentation and combination

The terminology of “fragmentation” in the perspectives of postmodern authors is connected with theories of “open works of literature”, of textuality and intertextuality. This confirms the viewpoint which considers texts as the “galaxy of expressions”.

The fragmentation

In general, writers are in consensus when they consider novels as “micro texts”, displaying the novel as paragraphs of dialogues, lines, sayings which are all restructured.

These features are demonstrated in novels of *Angle* by Phạm Thị Hoài; *Angle of*

redemption, Looking for a character, Farewell the darkness by Tạ Duy Anh; *Degrading memory, Sit* by Nguyễn Bình Phương; *Made in Vietnam, Chinatown* by Thuận.

The combination of space-time

The combination of space-time

In post-1986 Vietnamese novel, the combination and blending are intentional in order to: 1. Building types and dimensions of space to create real and virtual worlds, displaying unsafe perception of the people and the world it is living in. 2. The interference, upside down of the art time, creating the matrix of relationships among the past, the present and premonitions in the future.

4.2.2. Fusion and interlock of category

Fusion of literary category

The interaction and fusion of genres are considered as the variety of fragments, the complex, interlocking multiple storylines, mixing genres, creating multifaceted forms of contemporary novel art. The needs to diversify the forms of organization of aesthetic signal required novels to accept different genre forms, turning them into the elements involved in the process of creating meaning.

The property of genre interaction and fusion becomes a reflection on the art of the postmodern, bringing the common effects of the writer 's work, but not the repetition, the mutual simulation. It is an artistic model for those who follow this trend, opening up unlimited margin for fictional art.

Novels of Pham Thi Hoai, Nguyen Binh Phuong, Ho Anh Thai, Nguyen Viet Ha, Thuan, were highlighted by the fusion and blending of genres. In which, Nguyen Binh Phuong is the one who pays much attention to this approach. *Trí nhớ suy tàn* permeates poetry when monologue pieces of female character comes back to memories, sad emotions, structured as a short sentence with melody ... *Thoạt kỳ thủy* weaves drama and poetry genres. With *Người đi vắng* and *Những đứa trẻ chết già*, besides the poetry combination, there is an additional short story and legend in the novel. *Ngôi* pushed the genre fusion to the extreme, creating a "matrix" structure which is rare in Vietnam novels.

.The interlock of literary genres

The need to diversify the forms of organization of aesthetic signal required novels to accept different genre forms besides literary. The novels *Paris August 11th* of Thuan, *Phiên bản*, *Kín* of Nguyen Dinh Tu, *Người sông Mê* of Chau Dien, *Blogger* of Phong Diep Blogger ... are considered typical for the style of interlock between literature and media, movie method, online text structure, making up the cubism structure, altering its form of expression.

4.3. Language innovation

The look of each era are identified mainly through language, through the vocabulary stacked in the text. If they disappear, the history will be lost. It is said that, the degradation of language is the historic downturn, when no new voices lifted up, only totalitarian conservative voices dominate the historic forum. So when mentioning to "thinking innovation", the first major innovation is the language.

4.3.1. Fragment language

Fragment is a term that implies the skepticism about the large theories, monolithic and totalitarian surcharges, imposed; dictate and force people to follow it blindly; does not allow individuals think, understand and express in their own way. Postmodern writers consider each fragment itself non-central, independent, always moving to interact with

others, but not toward any center and does not have the combination to make up the center. The core of the term fragments is the language expression. In their text, postmodern writers use Fragment language to express their ideas. The excessive focus on this form of language to express ideas and aesthetics in the spirit of postmodernism.

Novels of Pham Thi Hoai, Bao Ninh, Ta Duy Anh, Nguyen Binh Phuong, Nguyen Viet Ha, Chau Dien, Phong Diep, Bui Anh Tan, Le Anh Hoai, Thuan, Doan Minh Phuong ... are strings of fragment discourse structure. They found the material characteristics expressed through "fragment language", in order to create unique works of art that have never had before. The novel thinking of postmodern writers has a common notion of reality, which is the most common, the most comprehensive and unitary that human have thought. It exist only in the form of concepts. And what existing with humans is specific things, always in a state of uncertainty, as "fragment", a set of phenomena and objects in the general status.

4.3.2. Parody language

Besides fragment language, Parody language is a peculiar of the postmodern novel in the period 1986 - 2010. Parody Language is in the parody method of postmodern art. It is factor that displayed directly in the text and also directly dominate other factors ... Parody language is also the main material of the categories "the parody" of postmodern aesthetics, instead of the category "comedy" of traditional aesthetics, of which aesthetic frame of reference does not focus on taking the amusing satire but focuses on irony and self-irony .

The writers Phạm Thị Hoài, Tạ Duy Anh, Hồ Anh Thái, Nguyễn Việt Hà, Nguyễn Binh Phuong, Do Minh Tuan, Mac Can, Chau Dien, Phong Diep, Thuận paid much attention to the use of parody method and brought parody language into aesthetic text. The parody method that the writers usually use is complemented by western-style cover-up language class, besides the penchant of traditional exposing language. These two languages are complementary to each other, an important contribution to make up the novel strangeness. parody Language of the novel has the basic characteristics: associated with artistic sense of the world and man, in the cynicism and the supernatural, expressing a world that has become enlarged; literary is also a narrative, so great literary narrative is also covered by the parody; when parodying human, of course parodying his language, including individual languages and community language.

Language innovation is a intrinsic development rule of literature. It is not only to match the thinking scenerio of times, to meet the expressive capacity before new ones are arising, but more important, it is a breakthrough to create a new one. Language innovation are created by two main sources: creating new words and adding foreign words.

CONCLUSIONS

1. Post-1986 Vietnamese fiction witnessed the breakthrough development, contributing to change the look of Vietnamese literature, clearing the cultural isolation, so as to uplevel literature to a certain position in the region. Those accomplishments are due to the fact that writers were daring enough to renovate themselves, overpass prejudices, assumptions from various sides. Refusing the faint literature of Vietnam, writers like Nguyễn Huy Thiệp, Phạm Thị Hoài, Bảo Ninh, Tạ Duy Anh, Hồ Anh Thái,

Nguyễn Bình Phương, Châu Diên, Phương, Đoàn Minh Thuận, Mạc Can, Nguyễn Đình Tú, Phong Điệp... considered writing a full of hardships and also responsibility, aggressively seeking new ways of writing for their own. And they were really successful. On the other hand, as the above spiritual implications, the success of the Vietnam Writers has been inspired by the study of knowledge and creative experience from the world's great writers, the scientific theory in history, society and people that previously for many different reasons we did not recognize.

The opening of an amount of giant cultural knowledge was accepted and acculturated by Vietnamese literary and considered a new energy source. In this important energy source, postmodernism have the most significant impact. In this dissertation, we try to examine the movement of the Vietnam novels under multifaceted impact of postmodernism, from senses, thinking, consciousness to methods for artistic creativity, fundamentals associated with understanding, learning and creativity of the writers.

2. The process of Vietnamese literary innovations are considered the same milestones in the country's innovation in 1986. In fact, the literary innovation really took place after the 90s, when the socialist state in Europe collapsed. Only in these conditions, the Western flow of ideas, doctrines and socio-scientific trends had a chance to enter Vietnam. This was considered as a "subversive" (from the Hoai Thanh) or "second wave" of Vietnam literature. In the rush of new knowledge, postmodernism gradually changed the face of literature.

Although there are still some people hesitate before the renovation process of ethnic literature to the postmodern direction, those are temporary opinions. Because Vietnam postmodern literature is already a fact, rather than being in the form of potential. However, in many ways, in Vietnam literature, there are still inadequacies in the redirecting the creation in the way of postmodern fundamentalist. First, the infrastructure of Vietnam has not formed "postmodern condition". Second, in Vietnam the views on globalization, linguistic philosophy, post-structure are still unfamiliar with artistic life, just holding each part but not systematized, because of the the missing of theoretical knowledge and premise platform. Even though, there are also advantages. First, "indigenous consciousness" in Vietnam is closed to the conceivability of confidence disruption into grand narratives. Second, the process of receiving postmodern theory has just happened in a short time but postmodern consciousness has been formed, associated with the human spirit. In the context of globalization and cultural integration, staying out of the flow of contemporary art not only is the conservative, backward but also this intention itself cannot be carried out. The basic problem is integration but still keeping the national identity. The novel in the last years shows quite successfully.

3. The application of postmodern theory on writing has created profound changes, comprehensive to novels, both in thought and in art. The transformation of the artistic concept of the novel and the changes in the creative minds of writers are the start of every shift, from the art to build character to the narrative techniques and the use of language. In which, the character building art is still fundamental issues.

Although there are different notions and understandings about character issues, it is always a central category of literary creation. Character category dominates the narrative mode and the narrative operation, dominates the artistic craft, the texture

handling skills, coordinating the poetry of narrative function. Category of character situated in the central of the concept of texture, suggesting the possibilities of perception. Only it can create a new point of view inside and outside, local and overall, both intentional actors and intentional objects of entire creative activity of man. Even language, an estimating stand-alone category with characters and only related to characters in interaction, references and hermeneutic, is only a part of the characters: characters create language and language builds characters. Nothing in human perception does not save the sign of human existence. Postmodern novel is still an art form to write about people, but put them in a new understanding, a new awareness and new relationships. The humanist from modern to earlier time interfered the concept of human, turning it into a metaphysical entity, within the natural lack awareness frames. Humans become a convention of the community consciousness and unconsciousness, of which built-up pressure has gradually pushed it towards extreme awareness about life and about themselves. Postmodern literature desires to put the human into their true meaning, created from nothing and return to nothing. But before becoming nihilistic, people must have a period of time facing mixed padding, living with memories, living in anguish and torment, as the "grass" (Walt Whitman) and still trying to rise up and hope to survive. Thus, people in postmodern literature is presented by perception of "chaos - nothing". Apparently, this is a reflection of negative perception.

But there should be a distinction that this negativity is not a negativity in the art but negativity created by life, a life which natural balance is broken by electronic technology, biotechnology and by the "grand narratives", a life which is lacking of awareness freedom and is built by prejudices. This perception crisis led to the collapse of belief for the post-modern man, but it does not lead people to desperation. Before death people need to live, and to live, people, on the one hand, have to know how to accept dealing with reality, on the other hand, people have to know how to self-regulate to create a balance to maintain life. Novels of Bao Ninh, Pham Thi Hoai, Ta Duy Anh, Ho Anh Thai, Nguyen Viet Ha, Nguyen Binh Phuong, Chau Dien, Nguyen Dinh Tu, Thuan, Doan Minh Phuong ... has interpreted these issue in a spirit of democracy and humanism. Receiving postmodern novels in their "plight", we can realise the true value they bring to the reader.

4. There are still a lot of problems to solve in studying Vietnam postmodern novels. In the spirit of postmodern and deconstruction, we should turn over all the issues, concepts, tracing to the essence of things and phenomena in order to limit and avoid mistakes and myths, including the mistakes and myths of limited perception of literature. Because the postmodern is democracy criticism and suggestion. Postmodern novel is discourse, including critical properties and inclined toward the truth. So, postmodern art has not been the best, but it is certainly the closest and the most needed for the contemporary man. Receiving postmodern novels will help people more awake in awareness, have more knowledge for facing to the life which is becoming more complicated and harsh.

Creative reality shows that Vietnam postmodern novels has affirmed ethnic art in the postmodern flow. More than any theory, postmodernism will contribute positively to cancel the psychology of "underdogs" in Vietnam literature. Because, it gives writers the destiny to build and create based on his own ability, firstly is the ability to demolish the "grand narratives", the doctrine emanating from the "major centers", then the

possibility to create freely, to experience and reach the threshold of writers' possibility. The novel art creation for the last years has both created platforms and demonstrated the capability for the future development of the Vietnam novels .

LIST OF DISSERTATION-RELATED SCIENTIFIC WORKS

Articles:

1. Nguyễn Hồng Dũng & Phan Tuấn Anh (2011), *Quan niệm về chủ nghĩa hậu hiện đại trong nghiên cứu văn học Việt Nam*, Tạp chí Khoa học, Đại học Huế, số tháng 8.
2. Nguyễn Hồng Dũng (2012), *Thơ trong truyện ngắn Nguyễn Huy Thiệp, ranh giới và sự xâm nhập thể loại, hiệu ứng thẩm mỹ*, Tạp chí Khoa học, Đại học Huế, số tháng 12.
3. Nguyễn Hồng Dũng (2013), *Triết học ngôn ngữ trong nghiên cứu văn học hậu hiện đại, Ngữ học toàn quốc 2013 – Diễn đàn học tập và nghiên cứu*, Hội ngôn ngữ học Việt Nam.
4. Nguyễn Hồng Dũng (2014), *Quá trình tiếp nhận các công trình nghiên cứu chủ nghĩa hậu hiện đại ở Việt Nam*, Tạp chí Khoa học và Công nghệ, số tháng 2.
5. Nguyễn Hồng Dũng (2016), *Tâm thức hậu hiện đại trong tiểu thuyết Việt Nam 1986 – 2010*, Tạp chí Nghiên cứu Văn học, 3.

Thesis and Dissertation:

1. Nguyễn Hồng Dũng (chủ trì) (2008), *Lịch sử tiếp nhận văn học Mỹ ở Việt Nam*, Đề tài NCKH cấp Bộ, mã số B2006-DHH01-10.
2. Nguyễn Hồng Dũng (2012) (chủ trì), (Phan Tuấn Anh nghiên cứu chính), *Chủ nghĩa hậu hiện đại và ảnh hưởng của nó đối với văn học Việt nam*, Đề tài NCKH cấp Đại học Huế.
3. Nguyễn Thành, Hồ Thế Hà, Nguyễn Hồng Dũng (chủ biên) (2013), *Văn học hậu hiện đại – Diễn giải và tiếp nhận*, Nxb Văn học.
4. Hồ Thế Hà (2012) (chủ trì) (Nguyễn Hồng Dũng nghiên cứu chính), *Tiếp nhận Phân tâm học ở Việt Nam*, Đề tài do Quỹ phát triển khoa học và công nghệ Quốc gia Nafosted tài trợ.

REFERENCES

APPENDIX

Appendix 01.The history of the name of “postmodernism”

Appendix 02.Definitions of philosophy-aesthetics and artistic modes of postmodern literature.

